

BÁO QUẢN SÁCH

**CHÍNH SÁCH  
KINH TẾ MỚI  
CỦA LÊ-NIN**

VÀ CÔNG CUỘC  
ĐỔI MỚI  
CỦA CHÚNG TA



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

1990

# CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA LÊ-NIN VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA CHÚNG TA<sup>1</sup>

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Công cuộc cải tổ và đổi mới hiện nay ở các nước xã hội chủ nghĩa thực chất là một quá trình có tính cách mạng nhằm nhận thức đúng bản chất của chủ nghĩa xã hội và đề ra những giải pháp hợp quy luật để đưa chủ nghĩa xã hội phát triển lên một giai đoạn mới. Sự nghiệp đổi mới đó là sự vận dụng đúng đắn những nguyên lý phổ biến của học thuyết cách mạng của chúng ta vào hoàn cảnh của mỗi nước, trong đó có những luận đề do V.I. Lê - nin đề ra trong Chính sách kinh tế mới.

Cho đến nay, những tư tưởng của V.I. Lê-nin về con đường xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn còn mang tính thời sự, vẫn còn là những vấn đề có tính quy luật đối với các nước đang xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Những quan điểm, chính sách mới của Đảng ta, đặc biệt là từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, là sự vận dụng sáng tạo những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta. Thực tiễn ba năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng cho thấy nền kinh tế nước ta đã bắt đầu chuyển biến theo hướng tích cực trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được những hiệu quả rõ rệt.

Cuốn sách "Chính sách kinh tế mới của Lê-nin và công cuộc đổi mới của chúng ta" do giáo sư Đào Xuân Sâm – Chủ

---

<sup>1</sup> Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội. 1990, 100 trang. Ban đầu cuốn sách được viết theo yêu cầu của đồng chí Trường Chinh. Sau đó, theo yêu cầu của đồng chí Hoàng Tùng đã bổ sung thêm phần thứ II.

nhiệm khoa quản lý kinh tế Học viện Nguyễn Ái Quốc biên soạn là một cố gắng nhằm đóng góp vào việc nghiên cứu Chính sách kinh tế mới của Lê-nin, và từ góc độ đó, tiếp cận và giải luận những quan điểm, chính sách mới của Đảng và Nhà nước ta. Trong cuốn sách, tác giả mạnh dạn nêu những suy nghĩ của mình về bản chất và con đường xây dựng mô hình nền kinh tế mới ở nước ta, cũng như những vấn đề cấp bách về đổi mới quản lý kinh tế đang đặt ra cần được trao đổi và thảo luận.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 120 năm sinh V.I.Lê-nin cuốn sách này giúp ích bạn đọc nghiên cứu về những di sản lý luận của Người.

Tháng 10 năm 1989

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

## LỜI NÓI ĐẦU

Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin gắn liền với hoạt động thực tiễn của Người, là sự khái quát kinh nghiệm điều tiết cơ cấu kinh tế nhiều thành phần nhằm xúc tiến cách mạng xã hội chủ nghĩa vào những năm đầu thời kỳ quá độ ở Liên Xô, trong điều kiện đã có chính quyền vô sản, hoàn thành quốc hữu hóa bằng phương pháp "xích vệt" đối với đại tư bản, đại địa chủ. Từ đó đến nay, trong 70 năm đã trôi qua. Vậy mà sự phát triển hiện đại của lý luận và thực tiễn kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng chứng minh tính cách mạng, khoa học, sáng tạo và tính thời sự sâu sắc của những luận đề do Lênin đề ra trong Chính sách kinh tế mới. Nhiều đảng và nhiều nước anh em đã và đang tiếp tục tìm hiểu thực chất nhằm nhận thức sâu thêm và vận dụng phát triển sáng tạo những luận đề ấy.

Nước ta đang ở chặng đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những vấn đề của đường lối, chính sách và cơ chế quản lý kinh tế mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang đề cập đều đặt trên cơ sở vận dụng học thuyết Mác-Lênin về thời kỳ quá độ mà Chính sách kinh tế mới là bộ phận rất quan trọng. Từ Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) năm 1979, những luận điểm cơ bản của Lênin trong Chính sách kinh tế mới đã được Đảng và Nhà nước ta ngày càng chú trọng và vận dụng nhằm chuyển hướng, đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế thích hợp với thực trạng kinh tế ở bước đầu thời kỳ quá độ. Sự trở lại những luận điểm cơ bản của Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới như vậy đã có quá trình 10 năm (1979-1989) mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt cơ bản. Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương (khóa VI) năm 1989 đã tiến thêm một bước trong việc nhất quán vận dụng và phát triển quan điểm của Đại hội VI trên thực tiễn. Xét về mặt lý luận, chính sách cũng như thực tiễn công cuộc xây dựng kinh

tế, trong 10 năm qua, đất nước ta đã và đang thực hiện quá trình chuyển từ mô hình nền kinh tế công cộng hiện vật và cơ chế quản lý tập trung chủ yếu theo lệnh hành chính và động viên chính trị là mô hình có phần tất yếu trong điều kiện kinh tế thời chiến, sang mô hình kinh tế và cơ chế quản lý mới đặt trên cơ sở vận dụng học thuyết Mác- Lênin về thời kỳ quá độ nói chung và vận dụng sáng tạo Chính sách kinh tế mới của Lênin nói riêng.

Không thể nhất quán triển khai thực hiện các Nghị quyết kinh tế của Đảng và Nhà nước, khắc phục sự lạc hậu về tư tưởng, lý luận và thúc đẩy công cuộc đổi mới, nếu không nghiêm túc nghiên cứu thực chất học thuyết Mác – Lênin về thời kỳ quá độ, nhất là thực chất những luận đề cơ bản của Lênin trong chính sách kinh tế mới. Điều đó gắn liền với việc tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn của hàng loạt nhân tố mới đã thành công từng bước trong việc điều tiết cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, là điều tối cần thiết để tạo cơ sở khoa học cho công cuộc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế hiện nay.

Cuốn sách này nhằm góp phần nhìn nhận quá trình xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta dưới ánh sáng Chính sách kinh tế mới của Lênin và sự vận dụng của Đảng ta.

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA LÊNIN**  
**VÀ NHỮNG LUẬN ĐỀ VỀ MÔ HÌNH NỀN**  
**KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Chương 1

**CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI TRONG HỌC THUYẾT**  
**MÁC – LÊNIN VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ**

Chính sách kinh tế mới là bộ phận hữu cơ của học thuyết Mác- Lênin về thời kỳ quá độ. Không thể hiện được thực chất của Chính sách kinh tế mới nếu không đặt nó trong chỉnh thể học thuyết về thời kỳ quá độ, không trên cơ sở hiểu rõ học thuyết ấy. Mặt khác, nghiên cứu học thuyết về thời kỳ quá độ mà không hiểu sâu Chính sách kinh tế mới, thì sẽ bị một lỗ hổng rất lớn và trọng yếu, nhất là với nước ta hiện nay.

C.Mác và Ph. Ăng-Ghen sáng lập học thuyết về thời kỳ quá độ trải qua hoạt động lý luận và thực tiễn gần nửa thế kỷ (từ tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" năm 1847 đến tác phẩm "Vấn đề nông dân ở Pháp và Đức" năm 1894). Khi ấy chưa có thời kỳ quá độ trên hiện thực. Trong điều kiện đó, hai ông chỉ có thể dự báo phác họa những nét lớn của mô hình xã hội tương lai và đề xuất những luận đề về cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, hai giai đoạn của xã hội cộng sản chủ nghĩa.... Những dự báo và phác họa đó đều đặt ra với giả định: cách mạng vô sản nổ ra đồng thời và chủ yếu là ở các nước tư bản phát triển nhất. Giả định đó trên thực tế lịch sử đã không xảy ra. V.I Lênin từ trước Cách mạng Tháng Mười đã chú trọng nghiên cứu khôi phục và phát triển học thuyết thời kỳ quá độ do Mác và Ăng – ghen đặt

nền móng, nhằm chuẩn bị lý luận và chính sách cho công cuộc giành chính quyền, trong đó có luận đề mới, khác hẳn dự báo của Mác và Ăng – ghen, về cách mạng vô sản có thể nổ ra và thành công ở một số là khâu yếu của thế giới tư bản. Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền ở Liên Xô thì với Lênin, vấn đề thời kỳ quá độ được đặt ra trên thực tiễn bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô những năm đầu cho phép Lê-nin hoàn thành việc xây dựng học thuyết Mác – Lênin về thời kỳ quá độ cả về mặt lý luận cũng như về chính sách và cương lĩnh kế hoạch thực hiện sự quá độ trong tình huống mà Mác – Ăng-ghen không dự báo. Lê-nin đã có những kết luận quan trọng xác nhận tính tất yếu, tính phức tạp và lâu dài của thời kỳ quá độ gồm nhiều giai đoạn đưa ra khái niệm về giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ<sup>2</sup>. Lênin xác định rõ nhiệm vụ chủ yếu của chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ không phải là nhiệm vụ phá hoại mà là nhiệm vụ xây dựng, phân tích sâu sắc cơ cấu giai cấp và đấu tranh giai cấp, liên minh giai cấp với hình thức mới trong điều kiện chuyên chính vô sản; tổng kết, đề xuất và hoàn chỉnh những luận đề cơ bản về nền kinh tế của thời kỳ quá độ và chính sách kinh tế. Xin lưu ý rằng, quá trình hình thành chính sách kinh tế sau khi giành chính quyền ở Liên Xô ngay những năm Lênin còn hoạt động cũng phải trải qua nhiều bước tìm tòi, thực nghiệm, kiểm tra.

Trong những năm đầu từ sau khi giành chính quyền cho đến trước cuộc nội chiến, đã hình thành một kế hoạch và chính sách kinh tế - xã hội bao gồm hàng loạt vấn đề có ý nghĩa cơ bản. Đồng thời, trong kế hoạch và chính sách đó còn có mặt thiếu sót khá lớn, mà sau này khi kiểm điểm lại Lênin đánh giá đó là kế hoạch quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản. Trong kế hoạch đó, có những dự định nhanh chóng quốc hữu hóa, công

---

<sup>2</sup> V.I. Lê Nin. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow, Tập 36, trang 60

hữu hóa hoàn toàn, chỉ sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ tạm thời trong một thời gian ngắn rồi đi tới xóa bỏ. Đến những năm chiến tranh và "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" càng xúc tiến quốc hữu hóa. Mọi sự buôn bán về nguyên tắc đều bị cấm và đã hiện vật hóa quan hệ phân phối. Như vậy là trong thời kỳ nội chiến, đường lối quá độ trực tiếp đạt tới mức cực đoan. Và chính sự phát triển cực đoan ấy lại đưa tới rối loạn khủng hoảng đưa tới chỗ tất yếu phải thay đổi. Chính sách kinh tế mới của Lênin ra đời đánh dấu bước ngoặt chính trị, đồng thời là sự tiếp tục phát triển học thuyết Mác - Lênin về thời kỳ quá độ trên mọi phương diện và nói riêng là bước ngoặt và sự tiếp tục phát triển kế hoạch và cương lĩnh chung xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi giành chính quyền.

Vậy Chính sách kinh tế mới có vị trí như thế nào trong học thuyết về thời kỳ quá độ và là mới ở điểm nào so với chính sách kinh tế trước năm 1921. Có thể nêu lên một số điểm vấn đề:

- Học thuyết về thời kỳ quá độ bao quát tất cả các mặt của thời kỳ đó: chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, văn hóa, quan hệ quốc tế. Chính sách kinh tế mới như tên của nó, chỉ xử lý mặt kinh tế trong mối quan hệ với các mặt khác của cách mạng chủ nghĩa xã hội, trong điều kiện đã có chính quyền vô sản, đã quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất của tư bản và địa chủ lớn.

- Chính sách kinh tế mới là bộ phận trong tổng thể kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội của Lênin; kế hoạch đó bao quát toàn bộ công cuộc cách mạng mà Chính sách kinh tế mới thuộc góc độ kinh tế.

- Ngay ở góc độ kinh tế, Chính sách kinh tế mới là sự tiếp tục chính sách và cương lĩnh kế hoạch trước đó, và gắn bó với chính sách công nghiệp hóa. Trên đại thể có thể nói Chính sách kinh tế mới chủ yếu thuộc khía cạnh tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế với những đổi



mới sâu sắc về cách thức, phương thức tiến hành, nhằm điều tiết cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã hình thành sau quốc hữu hóa, trong đó giải quyết hai loại vấn đề lớn: Một là, con đường đưa những người tiểu sản xuất hàng hóa, trong đó quan trọng nhất là tiểu nông đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và việc tranh thủ khả năng sử dụng tư bản tư nhân phục vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, không phải với phương pháp "xích vệ" mà bằng lôi cuốn, dẫn dắt. Hai là, phát triển và đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế quốc doanh và kinh tế nhiều thành phần nói chung, từ quan điểm hành chính tập trung cao độ, loại trừ nhanh kinh tế hàng hóa (hiện vật hóa) sang quan điểm sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, hạch toán kinh tế, phát huy quyền tự chủ của tổ chức kinh tế và địa phương. Những đổi mới sâu sắc trên hai hướng lớn đó với tư cách những thay đổi trong quan hệ sản xuất, trong cơ sở kinh tế - cơ sở hạ tầng, và cơ chế quản lý, đem lại những nội dung mới cho tất cả các mặt khác của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên Chính sách kinh tế mới cũng bao gồm sự xóa bỏ những mặt có tính chất "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" trong chính sách kinh tế trước đó.

Bởi vậy, có thể nói Chính sách kinh tế mới đánh dấu một bước ngoặt trong việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý kinh tế nhiều thành phần phù hợp với quy luật tiến hóa kinh tế - xã hội. Trên thực tế lịch sử Chính sách kinh tế mới là nhân tố quyết định tạo ra bước phát triển kỳ diệu của nền kinh tế Xô - Viết ngay trong bước đầu thời kỳ quá độ, là thời điểm lịch sử mà trên nhiều mặt cơ bản là giống như hoàn cảnh hiện nay của ta.

## Chương II

### BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN SANG CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI Ở LIÊN XÔ

#### 1. Bối cảnh lịch sử, lý do của sự hình thành Chính sách kinh tế mới

Lâu nay nhiều người hiểu vấn đề này rất phiến diện, xem như Chính sách kinh tế mới ra đời chỉ vì đã có thời kỳ thực hành "chủ nghĩa cộng sản thời chiến". Điều này dẫn tới hiểu nội dung Chính sách kinh tế mới rất hẹp. Xét bối cảnh lịch sử hình thành Chính sách kinh tế mới ít nhất phải nói đến ba vấn đề sau đây:

- Một là, Chính sách kinh tế mới chỉ đặt ra sau khi đã có chính quyền vô sản, đã quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất của tư bản và đại địa chủ, đã hình thành cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp mới, mâu thuẫn mới, vấn đề mới của việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung. Trong đề cương báo cáo về sách lược của Đảng cộng sản Nga tại đại hội III - Quốc tế cộng sản (1921), Lenin đã chỉ rõ "Đối với bọn đại địa chủ và bọn tư bản đó, chúng tôi có thể chỉ đơn thuần tước đoạt họ và đuổi họ đi, và chúng tôi đã làm như vậy. Nhưng, đối với những giai cấp tư bản cuối cùng, đối với những người sản xuất nhỏ và tiểu tư sản mà nước nào cũng đều có, chúng tôi không thể làm như vậy được"<sup>3</sup>. Và "Đứng về quan điểm quốc tế mà xét, ý nghĩa của giai đoạn hiện nay nước Nga bắt đầu bước vào... về thực chất là ở chỗ chúng tôi thực tế phải giải quyết vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư bản cuối cùng ở Nga... Chúng tôi biết rõ rằng chúng tôi đã phạm phải những sai lầm lớn. Đứng về quan điểm quốc tế mà xét, việc chúng tôi cố gắng xác định thái độ của giai cấp vô sản đã nắm

---

<sup>3</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiên bộ. Moscow. T. 44, trang 49

chính quyền nhà nước đối với giai cấp tư bản cuối cùng, đối với cơ sở hết sức sâu xa của chủ nghĩa tư bản, đối với chế độ tiêu tư hữu, đối với người sản xuất nhỏ, là một bước tiến rất lớn.<sup>4</sup> (*Ghi chú: Chúng tôi gạch dưới*).

Như vậy là, sau bước quốc hữu hóa, cách mạng quan hệ sản xuất có đối tượng mới, mâu thuẫn mới, do đó, phải có chính sách mới, chính sách với tư bản nhỏ, tiểu nông, tiểu tư sản.

Cũng chính trong văn kiện trên, Lênin xác định ý nghĩa quốc tế của vấn đề: "Dẫu sao thì kinh nghiệm mà chúng tôi đang thu nhận được sẽ bổ ích cho các cuộc cách mạng sau này"<sup>5</sup>.

- Hai là, Chính sách kinh tế mới hình thành trên cơ sở đã có cương lĩnh kế hoạch của Lênin về xây dựng kinh tế từ năm 1918-1919 với các tác phẩm "Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô-viết", "Về bệnh ấu trĩ "tả khuynh" và tính tiêu tư sản". Trong thời gian ấy, Lênin đã giải quyết ba nhóm vấn đề: thứ nhất, những nguyên tắc chung của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Thứ hai, sự hình thành khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa do quốc hữu hóa đòi hỏi phải chuyển trọng tâm "từ nhiệm vụ tước đoạt, từ chỗ đập tan chính quyền của bọn bóc lột và bọn đi tước đoạt, sang nhiệm vụ tổ chức kiểm kê và kiểm soát, sang những nhiệm vụ kinh tế có thể nói là tầm thường và vô vị của công cuộc xây dựng bức thiết"<sup>6</sup>. Lúc ấy, năm 1918, quan niệm phổ biến trong đảng Bôn - sê - vích là gắn liền thắng lợi của chủ nghĩa xã hội với sự khắc phục những hình thức kinh tế coi là tư bản như: tiền tệ, tín dụng, thuế má, buôn bán. Những người cộng sản cánh "tả" muốn trừ diệt ngay các quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Lênin đưa ra cương lĩnh nhằm thủ tiêu các phạm trù giá trị, nhưng phải thông qua giai đoạn nắm vững các phạm trù ấy, sử dụng chúng trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa tư bản. Tư tưởng

---

<sup>4</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 50

<sup>5</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 50

<sup>6</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 247

này, đến thời kỳ Chính sách kinh tế mới được phát triển cao hơn về chất. Thứ ba, chính sách đối với các tầng lớp tư sản còn lại và tiểu tư sản thành thị và nông thôn đặt trên cơ sở phân tích cơ cấu xã hội của nền kinh tế Xô - viết gồm năm thành phần kinh tế - xã hội cơ bản. Năm 1918, Lênin đặt vấn đề "Thông qua việc lãnh đạo những phần tử tư sản, sử dụng họ, nhượng bộ họ một phần nào đó, chúng ta tạo ra những điều kiện để tiến lên, tuy tiến chậm hơn so với những dự kiến ban đầu của chúng ta, nhưng lại bền vững hơn ..." <sup>7</sup>. Ở đây Lênin cũng nói về một sự thỏa thuận với các hợp tác xã tư sản và với những hợp tác xã công nhân còn giữ quan điểm tư sản do xã hội cũ để lại.

Như vậy là trong cương lĩnh kế hoạch xây dựng kinh tế vào năm 1918, vấn đề chủ nghĩa tư bản nhà nước, vấn đề sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ đã được đặt ra. Nhưng theo Lênin sau này đánh giá tại Đại hội IV quốc tế cộng sản (1922), thì lúc đó chủ nghĩa tư bản nhà nước "còn là một ý niệm rất mơ hồ" <sup>8</sup>. Việc nắm ngân hàng, tiền tệ, công tác thuế khóa lúc ấy mới được xét từ phía đấu tranh với giai cấp tư sản, chưa phải như công cụ quản lý kinh tế nói chung. Chính vì vậy mà sau này, trong các đánh giá của Lê-nin về kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ đầu 1918, Người vẫn coi đó là còn là đường lối quá độ trực tiếp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 1921, Lênin nói "Hồi đó (tức là đầu năm 1918) khi đặt công tác xây dựng kinh tế lên hàng đầu, chúng ta chỉ đứng trên một góc độ mà nhìn thôi. Hồi đó, chúng ta định chuyển thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua các thời kỳ mở đầu để làm cho nền kinh tế cũ thích ứng với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa" <sup>9</sup>. Có thể nói tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước, chế độ hợp tác xã, về sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, sau này là những vấn đề cơ bản của Chính

---

<sup>7</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 36, trang 228

<sup>8</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 45, trang 327

<sup>9</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 248

sách kinh tế mới thì vào mùa xuân năm 1918 mới bắt đầu được nêu ra, chưa thực hiện bao nhiêu đã phải bước vào chiến tranh với "chủ nghĩa cộng sản thời chiến". Chính vì thế mà chính sách kinh tế mới đánh dấu bước ngoặt về chính sách và là sự phát triển học thuyết thời kỳ quá độ trên tất cả các mặt của nó, nhưng cũng là kết quả tìm tòi thử nghiệm qua chính sách kinh tế trước đó.

- Ba là, chính sách kinh tế mới hình thành từ đầu năm 1921, sau những năm của "chủ nghĩa cộng sản thời chiến". Những nét chủ yếu của chính sách kinh tế trong thời kỳ nội chiến là: kiên quyết tiêu diệt các thành phần tư bản tư nhân, chuyển tất cả tư liệu sản xuất và trao đổi cơ bản vào tay người lao động, nhanh chóng đưa ra hệ thống quản lý chung, toàn bộ hoạt động kinh tế phục tùng lợi ích chiến thắng. Chính sách kinh tế thời chiến bắt đầu từ mùa hè năm 1918. Cuối năm 1919 đến đầu năm 1921 là thời gian phát triển mạnh nhất. Những công việc lớn đã làm là: quốc hữu hóa, thu hẹp thị trường và coi tự do buôn bán là vũ khí của kẻ thù chống Xô - viết; hình thành bộ máy quản lý tập trung tuyệt đối, quan sự hóa phân phối - hiện vật hóa, bình quân hóa; trưng thu lương thực thừa, và sau đó với tất cả sản phẩm nông nghiệp chủ yếu; tổ chức tại hợp tác xã, thủ tiêu quyền tự trị, biến hợp tác xã thành bộ máy phụ của Ủy ban lương thực (chỉ còn làm thu mua và phân phối). Lênin đánh giá chính sách kinh tế trong thời chiến: "Đó không phải là một chế độ kinh tế chặt chẽ. Đó là một biện pháp không phải do những điều kiện kinh tế đề ra, mà phần lớn là do những điều kiện quân sự bắt buộc phải thi hành"<sup>10</sup> và là "ý định dùng phương pháp "xung phong" nghĩa là dùng con đường ngắn nhất, nhanh nhất, trực tiếp nhất để thực hiện việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa"<sup>11</sup>, "Nhưng trong điều kiện chiến

---

<sup>10</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 248

<sup>11</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 248

tranh trước đây của chúng ta thì về căn bản chính sách kinh tế đó là đúng"<sup>12</sup> mặc dù có một số sai lầm và thái quá, lưu ý rằng "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" không bao gồm được tất cả sự phong phú về hình thức, phương pháp và tư tưởng của chính sách kinh tế trong thời gian đó. Chính sách kinh tế đó gồm hai nhóm biện pháp hợp thành. Một mặt là sự tiếp tục những phương hướng quan trọng nhất là chính sách kinh tế trước đó: xã hội hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu, tổ chức có kế hoạch, quần chúng tham gia quản lý, đấu tranh nâng cao năng suất lao động... Mặt khác là sự mở rộng phạm vi biện pháp cưỡng bức, trưng thu, cấm thương nghiệp, chuyển căn bản hoạt động của hợp tác xã như bộ phận phụ của Ủy ban phân phối. Mặt khác thường được gọi với cái tên "chủ nghĩa cộng sản thời chiến".

## **2. Bước ngoặt sang chính sách kinh tế mới**

Ngay sau khi có khả năng hòa bình, chuyển sang xây dựng vào cuối năm 1920, đảng bắt tay đề ra những con đường khôi phục kinh tế. Tuy nhiên, trong năm 1920 chính sách kinh tế vẫn phát triển trên cơ những quan niệm về khả năng quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. "Nghị quyết Đại hội IX của Đảng cộng sản Nga (1920) về hợp tác xã là hoàn toàn xây dựng trên cơ sở thừa nhận nguyên tắc trưng thu lương thực thừa..."<sup>13</sup>. Ngày 29-11-1920 Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao còn ra quyết định quốc hữu hóa toàn bộ tiểu công nghiệp. Việc loại trừ tiểu thương bán lẻ đã kết thúc bằng việc xóa bỏ chợ trời nổi tiếng ở Mát-xcơ-va và cấm chợ trong nhiều thành phố lớn khác. Với nông dân, ngoài việc trưng thu lương thực thừa cũng như các sản phẩm chính của nông nghiệp, nhà nước còn thực hiện điều tiết sản xuất, gieo trồng, khai khẩn...

---

<sup>12</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 43, trang 96

<sup>13</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 43, trang 77

Cuối năm 1920 đầu năm 1921, chính phủ ra sắc lệnh hủy bỏ việc tu tiên nhà ở, nước, khí đốt, điện và cấp không thực phẩm và hàng tiêu dùng thông thường cho nhân dân. Như vậy là sức ỳ trong chính sách kinh tế ở mức độ nhất định dẫn đến "sự phát triển" "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" dẫn tới tái sản xuất các hình thức cực đoan. Đường lối đó tiếp tục gây khó khăn trong kinh tế.

Về đường lối cực đoan đó, trong bài "Đề kỷ niệm lần thứ tư cuộc Cách mạng tháng Mười" (14-10-1921), Lenin trong một đoạn văn ngắn, khái quát đường lối cũ đó và những đặc trưng của Chính sách kinh tế mới "Được cao trào nhiệt tình lôi cuốn, chúng ta.... đã tính là có thể dựa vào nhiệt tình đó mà trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ kinh tế chính trị chung như những nhiệm vụ quân sự. Chúng ta tính - hay có lẽ nói như thế này đúng hơn: chúng ta chưa tính toán đầy đủ mà đã tưởng có thể trực tiếp dùng pháp lệnh của nhà nước vô sản, để tổ chức theo kiểu cộng sản chủ nghĩa, trong một nước tiểu nông, việc nhà nước sản xuất và phân phối sản phẩm. Đời sống thực tế vạch rõ sai lầm của chúng ta. Để chuẩn bị bằng một công tác lâu dài hàng bao nhiêu năm - việc chuyển sang chủ nghĩa cộng sản thì cần thiết phải có một loạt những bước quá độ lên chủ nghĩa tư bản nhà nước và chủ nghĩa xã hội. Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế. Nếu không, các đồng chí sẽ không tiến đến chủ nghĩa cộng sản được; nếu không các đồng chí sẽ không dẫn được hàng chục và hàng chục triệu người đến chủ nghĩa cộng sản. Đời sống thực tế chỉ rõ cho

chúng ta như vậy. Bước tiến khách quan của cách mạng chỉ rõ cho chúng ta như vậy.

Và chúng ta, những người trong ba, bốn năm nay đã học được chút ít về cách tiến hành những bước ngoặt đột ngột (khi bắt buộc phải tiến hành một bước ngoặt đột ngột), chúng ta bắt đầu nghiên cứu một cách say mê, chăm chú và chuyên cần (tuy còn chưa được hăng hái, chăm chú và chuyên cần đúng mức) bước ngoặt mới, tức là "Chính sách kinh tế mới". Nhà nước vô sản phải trở thành một "người chủ" thận trọng, chu đáo và khôn khéo, trở thành một nhà buôn si? đúng mức - nếu không, nhà nước vô sản không thể khôi phục được nước tiểu nông này về mặt kinh tế. Ngày nay, trong những điều kiện hiện đại, bên cạnh phương Tây tư bản chủ nghĩa (lúc này vẫn còn là tư bản chủ nghĩa) chúng ta không thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản bằng con đường nào khác được. Một nhà buôn si, cái đó có vẻ như một loại điển hình kinh tế, cách xa chủ nghĩa cộng sản chẳng khác nào đất với trời. Nhưng trong thực tế sinh động, chính đó lại là một trong những môi mâu thuẫn sẽ dẫn chúng ta từ nền kinh tế tiểu nông tiến lên chủ nghĩa xã hội, thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước. Sự quan tâm thiết thân của cá nhân, có tác dụng nâng cao sản xuất; trước hết chúng ta cần phải đẩy mạnh sản xuất cho bằng được. Thương nghiệp bán buôn có thể liên kết, về mặt kinh tế, hàng triệu tiểu nông lại với nhau, bằng cách lấy lợi ích mà khuyến khích họ, bằng cách làm cho họ có quan hệ gắn bó với nhau, dẫn dắt họ lên giai đoạn cao hơn, tức là: các hình thức hợp tác xã và liên hợp chính ngay trong sản xuất"<sup>14</sup>.

Đoạn văn trên thể hiện tập trung những tư tưởng lớn của Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới mà điều bao trùm là: để chuyển bị chuyển sang chủ nghĩa cộng sản cần thiết phải có một loạt những bước quá độ lâu dài; không thể chuyển thẳng bằng

---

<sup>14</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 189-190



"xung phong" "trực tiếp". Điều đó chi phối những đổi mới cơ quan, sau sắc, toàn diện trong việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và hình thành hệ thống quản lý kinh tế; từ đó, tác động mạnh mẽ đến toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Đại hội lần thứ X của Đảng thông qua quyết định thay đổi chính sách kinh tế. Sự thay đổi có tính chất tổng hợp: thay biện pháp trưng thu lương thực bằng thuế lương thực, xóa bỏ lệnh cấm buôn bán, cho phép tự do lưu thông (trong khuôn khổ trao đổi ở địa phương), thay đổi điều lệ hợp tác xã, mở rộng quyền hạn của nó như một tổ chức xã hội độc lập. Đã chú trọng nâng cao vai trò thành phần xã hội chủ nghĩa trong việc cung cấp hàng tiêu dùng, nhất là tư liệu sản xuất, kết hợp với việc cho nông dân quyền tham gia trao đổi hàng hóa. Đồng thời, Đảng cũng khẳng định vai trò tiên phong của khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc kế hoạch hóa, mở rộng sự tham gia của quần chúng vào quản lý kinh tế.

### **3. Quá trình thực hiện Chính sách kinh tế mới, các bước, các khâu của nó:**

Do tính cấp bách phải khôi phục kinh tế, mà khâu yếu và trọng yếu hơn cả trước mắt là nông nghiệp, là kinh tế của nông dân, cho nên khâu đầu tiên thực hiện Chính sách kinh tế mới là chuyển từ trưng thu sang chính sách thuế lương thực, trong đó nông dân có quyền tự do bán lương thực thừa; điều đó tất yếu đòi hỏi khôi phục tự do trao đổi hàng hóa giữa nông nghiệp với công nghiệp mà trước hết là với tiểu thủ công; nó lại tất yếu đòi hỏi phát triển tiểu thủ công (tư sản, tiểu tư sản); tất cả sự phát triển ấy gây ra nguy cơ tự phát vô chính phủ của những người tiểu tư hữu và nguy cơ tự phát tư bản chủ nghĩa. Trước tình hình đó, chính sách ngăn cấm là đại đột và tự sát<sup>15</sup>, nhưng lại có thể

---

<sup>15</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 43, trang 267

hướng nó đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác. Tình hình trên đây cũng khách quan đặt kinh tế quốc doanh trên cơ sở buôn bán, hạch toán kinh tế: "Việc các xí nghiệp nhà nước áp dụng chế độ gọi là hạch toán kinh tế thì tất nhiên mật thiết gắn liền với chính sách kinh tế mới... Thật ra, như thế có nghĩa là, khi việc tự do buôn bán được phép tồn tại và phát triển, thì trong một chừng mực khá quan trọng, các xí nghiệp nhà nước được đặt trên cơ sở buôn bán, cơ sở chủ nghĩa tư bản?<sup>16</sup>. Trên thực tế đã lập các liên hiệp, các tơ - rớt và xanh đi ca. Các liên hiệp và tơ - rớt hạch toán kinh tế có quyền vạch kế hoạch, phân phối phương tiện, sắp xếp cán bộ, thực hiện các nghiệp vụ thương nghiệp với nhau trên thị trường tự do. Tới 90% xí nghiệp được quốc hữu hóa mà không cho thuê đã gia nhập tơ - rớt đã giải quyết được một nhiệm vụ kép: vừa nâng cao vai trò khâu cấp cao trong việc hoạch định kế hoạch, chính sách và kiểm soát; đồng thời, vừa phân cấp lãnh đạo cho tơ - rớt. Quyền hạn của các cơ quan quản lý kinh tế địa phương được mở rộng, từ tháng 2/1920 đã chuyển tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp cho các cơ quan ấy quản lý. Như vậy là kinh tế quốc doanh chuyển sang hạch toán kinh tế gắn liền với việc tổ chức lại sản xuất và quản lý theo ngành và lãnh thổ phân cấp mạnh cho tơ - rớt và địa phương. Các xanh - đi - ca làm chức năng thương nghiệp quốc doanh, tư thương còn vai trò lớn. Đến cuối năm 1923 có 50% tơ - rớt tham gia xanh - đi ca. Đã có 20 xanh - đi ca làm chức năng nghiên cứu thị trường, điều tiết lưu thông hàng hóa và giá cả, khắc phục sự cạnh tranh giữa các tơ - rớt củng cố thương nghiệp bán buôn, khôi phục thị trường, đấu tranh khắc phục xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Bộ máy thương nghiệp của các tơ-rớt, xanh-đi-ca địa phương là cơ quan thương nghiệp, cùng với hợp tác xã tiêu thụ, cho phép nhà nước củng cố khâu lưu thông hàng hóa bán buôn. Cùng với thương

---

<sup>16</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 44, trang 410

ng nghiệp bán buôn, lập tức có thương nghiệp quốc doanh bán lẻ, sử dụng hợp tác xã tiêu thụ. Năm 1924 - 1925 thương nghiệp bán buôn tư nhân chỉ còn dưới 10%. Từ thực tiễn đó, Lê-nin nói đến vai trò của mắt xích nội thương và chức năng buôn bán của nhà nước vô sản. Trong thời kỳ ấy, hoạt động ngoại thương cũng được triển khai, nhưng đến cuối thời kỳ khôi phục, doanh số mới bằng một nửa mức trước chiến tranh. Bức tranh kinh tế nói trên thể hiện một hướng lớn và mới của chiến lược quản lý trên cơ sở sử dụng mạnh mẽ quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong quản lý kinh tế được Lê-nin tổng kết trong luận đề: "Chính sách kinh tế mới không thay đổi kế hoạch kinh tế thống nhất của nhà nước và không vượt ra ngoài giới hạn của kế hoạch đó, nhưng thay đổi biện pháp thực hiện kế hoạch đó" <sup>17</sup>

Chính sự chuyển hướng đó tất yếu dẫn tới sự khôi phục, củng cố và tăng cường nền tài chính và hệ thống ngân hàng, để từng bước sử dụng như những công cụ mạnh mẽ của nhà nước trong quản lý kinh tế, giảm quyền làm chủ giá cả, đưa toàn bộ nền kinh tế vào quỹ đạo được quản lý có kế hoạch.

Trên đây mới là mô tả vắn tắt quá trình thực hiện. Mục sau sẽ đi sâu hơn vào nội dung những vấn đề lớn đã đặt ra và giải quyết.

---

<sup>17</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 54, trang 131

### **Chương III**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ CHÍNH SÁCH**

Đánh giá việc thực hiện Chính sách kinh tế mới và ý nghĩa của chính sách đó vẫn là vấn đề đặt ra với những câu trả lời khác nhau.

Tài liệu lịch sử kinh tế quốc dân Liên Xô phân định các năm 1921-1925 là thời kỳ khôi phục kinh tế; từ 1926-1927 là khởi đầu thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân.. Ranh giới đó là tương đối. Tương ứng với sự phân kỳ đó là quan niệm thời kỳ thực hiện Chính sách kinh tế mới chủ yếu trong những năm khôi phục kinh tế 1921-1925. Đồng thời vẫn có quan niệm về sự phát triển tiếp tục của Chính sách kinh tế mới trong thời kỳ cải tạo và công nghiệp hóa ở Liên Xô.

Những năm gần đây, trên thực tế kinh tế ở nhiều nước, có hiện tượng trở lại những luận đề và kinh nghiệm trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới, chủ yếu Lê-nin còn hoạt động. Không chỉ các nước đang ở thời kỳ quá độ mà cả các nước đã có chủ nghĩa xã hội cũng trở lại những luận đề đó. Từ nhiều thập kỷ đã nảy sinh đòi hỏi giải thích mối quan hệ giữa nhiều luận điểm của Lê-nin trước đây với các hiện tượng như: việc trở lại áp dụng tô nhượng và kinh tế gia đình ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; việc duy trì và sử dụng các hình thức kinh tế tư hữu ở cộng hòa dân chủ Đức; sự duy trì và phát triển kinh tế nhỏ tư nhân trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ và việc sử dụng đội lao động - kinh doanh nhận thầu ngoài giờ lao động ở Hung-ga-ri; phong trào khoán sản phẩm ở nhiều nước; xu hướng thật sự sử dụng kinh tế hàng hóa và quan hệ thị trường để đổi mới căn bản cách kế hoạch hóa, do đó nâng cao hiệu lực và tính ưu việt của nền kinh tế kế hoạch hóa...

Có thể nói chắc chắn rằng, trong khi lãnh đạo thực hiện Chính sách kinh tế mới, Lê-nin giải quyết công việc thực tiễn lúc ấy, chứ không khi nào nói cụ thể rằng các hình thức của Chính sách kinh tế mới sẽ được hoặc không được vận dụng sau này, khi đã có chủ nghĩa xã hội. Lê-nin cũng như Mác và Ăng-ghe-n, không trói tay các thế hệ sau bằng những cấm nang cụ thể.

Cũng có thể nói chắc chắn rằng, chính Lê-nin đã khẳng định Chính sách kinh tế mới có ý nghĩa quốc tế, ý nghĩa kinh nghiệm phổ biến với mọi nước đi vào thời kỳ quá độ. Ngay ở điểm này, Lê-nin cũng không quên cái riêng, cái đặc thù của mỗi nước.

Cả hai trường hợp nói trên đều buộc chúng ta khi nghiên cứu Chính sách kinh tế mới của Lê-nin phải tìm hiểu thực chất tư tưởng, phương pháp luận, luận điểm cơ bản thông qua sự mổ xẻ những hình thức cụ thể là cái rất động trong hoạt động thực tiễn của Người. Có hiểu sâu tư tưởng, phương pháp luận, luận đề cơ bản của Người, mới có thể giải thích đúng và chọn lựa, sử dụng, loại bỏ hoặc tìm thêm hình thức cụ thể.

Ở đây sẽ tìm hiểu những luận đề có tính phương pháp luận của Lê-nin trên ba vấn đề cơ bản: - quá trình cách mạng từ tư hữu sang công hữu và chính sách đối với tiểu tư hữu nói riêng; - sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong hệ thống quản lý có kế hoạch và tổ chức lại phương pháp lãnh đạo kinh tế - tư tưởng chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế như quá trình tiến hóa tự nhiên với hàng loạt bước quá độ và hình thức quá độ.

### **1. Về quá trình cách mạng từ tư hữu sang công hữu**

Như phần trên đã trình bày, Chính sách kinh tế mới đứng trước yêu cầu phải giải quyết vấn đề tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất sau khi giai cấp vô sản đã nắm chính quyền, đã quốc hữu hóa những tư liệu sản xuất của đại tư bản và địa chủ; tức là

phải giải quyết vấn đề cải tạo, dẫn dắt, sử dụng tư sản nhỏ và tư hữu nhỏ. Lê-nin đưa ra hình thức "chủ nghĩa tư bản nhà nước" và chế độ "hợp tác" như con đường hợp quy luật, hợp trình độ quần chúng, để hướng người tiểu tư hữu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cần đặc biệt lưu ý rằng trong các hình thức ấy của Lê-nin nhân tố cộng sản chủ nghĩa tăng dần nhưng nhân tố tư hữu được duy trì, sử dụng như một tô nhượng. Lê-nin trong tác phẩm "Bàn về chế độ hợp tác" (6-1-1923) đã nói: "Mục đích thực tiễn của chính sách kinh tế mới của ta là cấp những tô nhượng; trong điều kiện nước ta, tô nhượng dĩ nhiên phải là một hình thức thuần túy của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Cần phải hiểu như vậy những lập luận của tôi về vấn đề chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Nhưng còn một phương diện khác của vấn đề, trong đó chúng ta có thể phải viện đến chủ nghĩa tư bản nhà nước; hoặc ít ra cũng phải viện đến một cái gì gần giống như chủ nghĩa tư bản nhà nước. Tôi muốn nói đến chế độ hợp tác"<sup>18</sup>. Hiểu tư tưởng Lê-nin về tô nhượng sẽ có thể hiểu tại sao có lúc Lê-nin coi hợp tác là một hình thức tư bản nhà nước; và sau này khi Người coi "chế độ hợp tác là hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa xã hội" thì cũng vẫn nhắc: "Nếu không kể những tô nhượng" (2). Ở Liên Xô thời kỳ đầu, chương trình tô nhượng và tín dụng với tư bản nước ngoài đạt kết quả không đáng kể. Việc sử dụng tư bản tư nhân với hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước đã kết thúc sớm. Riêng chế độ hợp tác đã qua nhiều cách sử dụng. Năm 1918, với những hợp tác xã do xã hội cũ để lại là hợp tác xã tư bản hay còn nhiều tính chất tư sản, nhà nước đã sử dụng và có nhượng bộ. Trong thời gian nội chiến, hợp tác xã bị tước quyền tự chủ, chuyển thành bộ phận của Ủy ban phân phối, chuyên làm chức năng thu và phân phối theo nguyên tắc "chủ nghĩa cộng sản thời chiến".

---

<sup>18</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 45, trang 426-427

Đến thời kỳ Chính sách kinh tế mới, hợp tác xã được trở lại như tổ chức kinh tế tập thể, có sử dụng yếu tố tư bản, tư hữu, nhưng chú ý đến lợi ích đa số thành viên là nông dân nghèo và trung nông.

Trong hợp tác xã thời kỳ Chính sách kinh tế mới, ảnh hưởng của những người cộng sản đã tăng nhanh; hình thức hợp tác xã rất phong phú, từ thấp đến cao: công xã, ac-ten, hội liên hiệp... trong đó phát triển mạnh nhất là các hội liên hiệp đơn giản thuộc các loại: Hội máy móc, hội cải tạo đất, hội canh tác, hội sản xuất hạt giống... Hội nghị Đảng lần thứ XIV nhận xét: chỉ hợp tác xã mới có thể đảm bảo cho nhà nước có khả năng lớn nhất kiểm soát và điều tiết sản xuất nhỏ nông nghiệp, cũng như lưu thông hàng hóa trong nước<sup>19</sup>. Trong những năm 1921-1925 hợp tác xã ngày càng gắn với quốc doanh và được nhà nước kiểm soát, đã góp phần quan trọng trong điều tiết kinh tế nhiều thành phần. Tác phẩm "Bàn về chế độ hợp tác" của Lê-nin là sự tổng kết công cuộc xây dựng hợp tác xã các năm từ 1923 về trước, trong đó đặc biệt lưu ý: "Kết hợp lợi ích tư nhân, lợi ích thương nghiệp tư nhân với việc nhà nước kiểm soát và kiểm tra lợi ích đó, làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích chung"<sup>20</sup>. Như vậy là trong thời kỳ 1921-1925, kinh tế hợp tác đã có bước tiến lớn cả về bề rộng và tính chất xã hội chủ nghĩa, đồng thời còn có yếu tố tư hữu "tô nhượng".

Ở đây có vấn đề đáng suy nghĩ: cao trào tập thể hóa của Liên Xô sau khi Lê-nin mất không tiếp tục con đường đó. Trái lại đã được thúc đẩy mạnh với mô hình "công hữu hóa" hoàn toàn và chỉ một bước, trong đó vi phạm lợi ích cá nhân, không sử dụng chút nào yếu tố tư hữu. Sự trợ giúp ưu đãi của nhà nước trở thành bao cấp. Con đường hợp tác hóa ở miền Bắc nước ta

---

<sup>19</sup> Từ chủ nghĩa tư bản tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, Tập I, phần 1, tr. 385

<sup>20</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 45, trang 422

trước đây về cơ bản cũng vội vàng và cứng nhắc như thế. Với mô hình công hữu hóa hoàn toàn, chúng ta đã tìm cách tiêu diệt tận gốc mọi tàn dư tư hữu về tư liệu sản xuất, loại trừ mọi bước quá độ. Những sự thay đổi từng bước chính sách hợp tác hóa đã có quá trình dài từ Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) đến nay, trở lại mô hình quá trình hợp tác hóa từ từ, có "tô nhượng" của Lê-nin, mà thực tế chứng tỏ đó là con đường chắc nhất, hiệu quả nhất và nhanh nhất như Lê-nin nói. Hơn nữa nó đảm bảo tốt nhất cho việc củng cố liên minh công nông, và tạo ra khả năng hợp tác hóa đồng thời phát triển sản xuất; hợp tác hóa như chính sách thúc đẩy sản xuất, không nhất thiết phải dừng hoặc tụt như cái giá đã phải trả cho việc hợp tác hóa trước đây.

## **2. Về sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong hệ thống quản lý có kế hoạch:**

Đây là vấn đề gay gắt nhất vì chính Mác và Ăng - ghen không dự kiến sự tồn tại kinh tế hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội. Ăng ghen có lúc loại trừ sự tồn tại đó. Với tính nhạy cảm và tính sáng tạo kỳ diệu, ngay từ năm 1918, Lê-nin đã thay đổi quan niệm và đặt vấn đề sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, nhưng mới là sự chấp nhận trong thời gian ngắn để rồi sẽ sớm loại bỏ. Đến thời kỳ Chính sách kinh tế mới Lê-nin tiến một bước căn bản: gắn liền sự tồn tại của tự do trao đổi hàng hóa với sự tồn tại cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, sự tồn tại của tư hữu, tư nhân; và nói riêng là gắn liền với chính sách thuế, lương thực và liên minh công nông trong điều kiện mới. Tiếp đó, Lê-nin còn tiến xa hơn khi xác định xí nghiệp nhà nước được đặt trên phương diện buôn bán, trên phương diện tư bản chủ nghĩa. Như vậy, ngay từ năm 1921 với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, với sự tồn tại của thị trường trao đổi hàng hóa tự do, Lê-nin đã nhìn thấy và khẳng định khả năng kết hợp tính kế hoạch với tính hàng hóa trong một cơ chế thống nhất; đồng thời, đòi hỏi thay đổi



cách kế hoạch hóa. Trong thời kỳ 1921-1925 ở Liên Xô đã có những thay đổi căn bản từ xu hướng hiện vật hóa, loại trừ quan hệ hàng hóa - tiền tệ đến khôi phục thật sự các quan hệ hàng hóa - tiền tệ với những biểu hiện chính sau đây: 1 - *Phi hiện vật hóa các quan hệ kinh tế*, thay thế quan hệ giao nộp cấp phát bằng quan hệ mua bán, thay chế độ trả công hiện vật bằng tiền lương. Cuối thời gian nội chiến, phần lương tháng bằng tiền của công nhân chỉ là 7,4%, còn 92,6% là hiện vật, thì đầu năm 1923, phần lương bằng tiền là 80%. Đến cuối năm 1925 hoàn thành quá trình phi hiện vật hóa trong quan hệ giữ xí nghiệp quốc doanh với nhau, xóa bỏ lương hiện vật, áp dụng rộng rãi lương khoán. 2-*Xí nghiệp nhà nước tham gia thị trường*, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, gắn liền với việc sắp xếp sản xuất và tổ chức quản lý theo rơ-rốt, xanh đi ca. Các tổ chức đó có quyền tự chủ rộng, trong đó có tự chủ tài chính, tự chủ xác định giá cả, phân quyền tín dụng và lúc đầu còn ưu tiên tín dụng thương mại (năm 1922 ngân hàng mới trở lại hoạt động). Như vậy, các tổ chức kinh tế kinh doanh theo chế độ hạch toán kinh doanh thật sự, phát huy tác dụng mạnh mẽ trong việc từng bước làm chủ thị trường xã hội. Lúc ấy, đã sử dụng giá cả thị trường (không có sự phân biệt thị trường có tổ chức và thị trường tự do), trong khi đặc biệt chú trọng phát huy vai trò tiên phong của kinh tế và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đối với toàn bộ thị trường. 3-*Trong quá trình phi hiện vật hóa và kinh tế quốc doanh tham gia thị trường đã nhanh chóng khôi phục hệ thống tài chính, ngân hàng làm công cụ điều tiết có kế hoạch*. Bắt đầu Chính sách kinh tế mới, việc lập ngân sách quốc gia và đấu tranh thực hiện ngân sách đó trở thành hình thức quan trọng nhất của công tác kế hoạch. Tháng 9-1922 ngân sách quốc gia còn thiếu hụt 43,4%; trong năm 1922-1923, chỉ còn hụt 27,1%; năm 1923-1924 giảm đến tối thiểu. Tỷ trọng tiền chi cho bộ máy quản lý và quân đội giảm đột ngột, số tích lũy được tập trung chủ yếu cho phát triển đại công nghiệp. 4-*Nguyên tắc kế hoạch hóa được kiên trì*, trong đó, hệ thống đôn

bằng kinh tế được sử dụng làm công cụ điều tiết có kế hoạch. Ngân sách ngay từ đầu trở thành hình thức quan trọng nhất của công tác kế hoạch và đặt vấn đề nhà nước lãnh đạo có kế hoạch đối với thị trường. Cuối năm 1921 trong bài "Về tác dụng của vàng..." Lê-nin nêu luận điểm lấy thương nghiệp làm mắt xích chủ yếu, tiếp theo luận điểm về việc nhà nước vô sản phải trở thành nhà buôn sỉ trong tác phẩm "Bàn về thuế lương thực" đầu năm 1921. Xin lưu ý rằng khi ấy chưa có ủy ban nhân dân về nội thương (mùa xuân 1924 mới thành lập), nhưng các tơ - rôt, xanh - đi - ca có quyền trao đổi hàng hóa với cơ chế hạch toán kinh doanh thật sự. Cách đặt vấn đề ở đây là xí nghiệp nhà nước thật sự tham gia thị trường tự do, buôn bán, giành quyền làm chủ; không đặt vấn đề kinh tế quốc doanh nằm riêng trong thị trường có tổ chức hoặc lấy thị trường có tổ chức là chính v.v.. Hội nghị Đảng lần thứ XI (12-1921) nêu nhiệm vụ "Sự lãnh đạo hoạt động kinh tế của Chính quyền Xô -viết theo phương hướng căn cứ vào thị trường hiện có và tính toán đến các quy luật của nó, chiếm lĩnh thị trường và bằng những biện pháp kinh tế thường xuyên, có cân nhắc kỹ và được xây dựng trên sự kiểm kê chính xác quá trình thị trường và nắm lấy việc điều tiết thị trường và lưu thông tiền tệ"<sup>21</sup>

Xin lưu ý rằng vấn đề sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong quá trình quá độ và trong chủ nghĩa xã hội nói chung đã và đang còn là vấn đề gây cản về lý luận và thực tiễn. Tư tưởng kinh tế Xô -viết trước đây đã giải thích việc sử dụng cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới về cơ bản chỉ là biện pháp bắt buộc bất đắc dĩ, một yếu tố chỉ của bước quá độ rất ngắn. Do đó, những thập kỷ sau này, đã coi như thực chất không còn sản xuất hàng hóa. Cho đến thời kỳ cải cách kinh tế khoảng năm 1965, về lý luận, người ta mới xác

---

<sup>21</sup> Từ chủ nghĩa tư bản tiến lên Chủ nghĩa xã hội. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, Tập I, phần 1, tr. 351-352

định sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội với nội dung kinh tế - xã hội mới. Đó là về lý thuyết, còn trên thực tế thì tính chất hình thức trong sử dụng các phạm trù của sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị còn rất nhiều và vẫn là quan điểm chỉ đạo việc xây dựng cơ chế quản lý kinh tế. Biến tướng của quan điểm đó là lý luận về xã hội hóa trực tiếp hoàn toàn, đi tới cường điệu biện pháp hành chính, tổ chức trực tiếp và đơn thuần, gắn liền với luận điểm về hai thị trường, hai hệ thống giá cả như hai lãnh địa... Như vậy còn đường từ chỗ loại trừ đến chấp nhận tạm thời, đến chấp nhận chỉ trên lý thuyết và hình thức, cho đến chấp nhận thật sự và sử dụng thông thạo, làm chủ các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quy luật giá trị là con đường tìm kiếm thực nghiệm khó khăn, con đường đấu tranh chống lại các học thuyết đối lập và khắc phục cả những định kiến mặc cảm "cộng sản chủ nghĩa ấu trĩ", kiêng kị kinh tế hàng hóa, cho đó là của riêng chủ nghĩa tư bản. Có thể thể nói, với những luận đề cơ bản như trên đã trình bày, Lê-nin - về mặt phương pháp luận - đã xác định quan điểm về sử dụng kết hợp tính kế hoạch và xác lập luận đề rất cơ bản về chức năng buôn bán của nhà nước vô sản. Đó là những luận đề hết sức quan trọng, nhưng thực tế lại là khó chấp nhận nhất đối với không ít những người cộng sản bình thường. Hầu như người ta chỉ trở lại luận điểm đó sau khi phải trả những giá đắt, thậm chí là quá đắt so với khả năng có thể chịu đựng nổi.

### **3. Quan điểm chung của Lê-nin về những hình thức và bước quá độ trong cách mạng quan hệ sản xuất và quản lý kinh tế**

Khi xử lý những vấn đề của thời kỳ quá độ và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong Chính sách kinh tế mới. Lê-nin đã thật sự và trực tiếp đụng đến góc độ kinh tế, góc độ quan hệ sản xuất và quản lý với một sự nhất quán triệt để về phương pháp luận, gắn liền với sự nhanh nhạy đặc biệt về việc thay đổi hình thức và

phương pháp. Vậy quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận cơ bản của Lê-nin ở đây là gì?

Nguyên lý phương pháp luận cơ bản, sâu xa của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phép duy vật biện chứng lịch sử. Tổng "Nhà nước và cách mạng", Lê-nin viết: "mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới ..." <sup>22</sup> và cái mà người ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội, thì Mác gọi là giai đoạn "đầu" hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong chừng mực tư liệu sản xuất đã biến thành sở hữu chung, thì danh từ "chủ nghĩa cộng sản" ở đây có thể dùng được, miễn là đừng quên rằng đó không phải là chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn" <sup>23</sup> (Lưu ý: về việc xóa bỏ tư hữu và thiết lập công hữu thì cả Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin đều nói rõ phải từng bước, đặc biệt là với tiểu tư hữu, tiểu nông). "Những lời giải thích của Mác sơ dĩ có giá trị lớn là vì ở đây ông cũng áp dụng một cách triệt để phép biện chứng duy vật, học thuyết về phát triển để phép biện chứng duy vật, học thuyết về phát triển và xem chủ nghĩa cộng sản là một cái gì phát triển từ chủ nghĩa tư bản mà ra. Thay vào những định nghĩa "tưởng tượng", có tính chất kinh viện và giả tạo, thay vào những cuộc tranh luận vô ích về danh từ (thế nào là chủ nghĩa xã hội, thế nào là chủ nghĩa cộng sản), mác phân tích cái mà người ta có thể gọi là những nấc thang trưởng thành về kinh tế của chủ nghĩa cộng sản" <sup>24</sup>... và "Thật ra thì cuộc sống vẫn luôn luôn chỉ cho chúng ta thấy rằng trong tự nhiên và trong xã hội, những tàn tích của quá khứ vẫn còn rơi rớt lại trong hiện tại. Và tuyệt nhiên không phải Mác đã tùy tiện luồn một mẩu pháp quyền "tư sản" vào chủ nghĩa cộng sản đâu. Mác chỉ nêu lên điều không thể tránh được về mặt kinh tế và

---

<sup>22</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 33, trang 104

<sup>23</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 33, trang 121

<sup>24</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 33, trang 121

chính trị, ở trong một xã hội thoát thai từ trong lòng chủ nghĩa tư bản mà ra"<sup>25</sup>.

Như vậy là trong khi xem xét mọi vấn đề kinh tế, xã hội, Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin đều triệt để nhất quán theo phương pháp luận biện chứng duy vật, biện chứng lịch sử, và nói riêng là quan điểm tiến hóa luận kinh tế xã hội. Trong vấn đề đang nghiên cứu, cần lưu ý đặc biệt đến sự phân tích của Mác về những nấc thang mà trong Chính sách kinh tế mới, Lê-nin phát triển thành luận điểm về sự cần thiết phải có một loạt những bước quá độ, những chiếc cầu nhỏ vững chắc những hình thức quá độ. Với quan điểm biện chứng lịch sử, quan điểm tiến hóa luận kinh tế xã hội, mọi nấc thang, mọi bước quá độ, hình thức quá độ được Lê-nin xem xét trước hết như một bước tiến của cách mạng (ngay cả với hình thức trả lương); đồng thời như một sự thỏa hiệp, tô nhượng, chấp nhận tàn dư tư sản, lợi ích cá nhân tiểu tư hữu và con buôn... Ở đây còn có quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị, đặt mọi vấn đề của Chính sách kinh tế mới trong điều kiện đã có nhà nước vô sản, với luận đề rất sáng tỏ: "Chúng ta leo càng cao trên bậc thang chính trị ấy, chúng ta thể hiện càng đầy đủ nhà nước xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản qua các Xô-viết, thì chúng ta càng ít có quyền lo sợ, "chủ nghĩa tư bản nhà nước"<sup>26</sup>. Từ luận đề đó, có thể rút ra hai vấn đề: Một là: muốn làm kinh tế phải có chính quyền vô sản mạnh. Hai là, một nước có chính quyền vô sản mạnh, càng có thể sử dụng tô nhượng và nhiều hình thức quá độ. Chỉ khi hiểu cách xem xét biện chứng lịch sử khách quan và do đó là triệt để cách mạng của Lê-nin, mới có thể hiện được những luận điểm do Lê-nin đề xuất xem như rất trái ngược với tâm lý, đạo đức và lý tưởng cộng sản, về các vấn đề như: người cộng sản và nhà nước vô sản phải làm nhà buôn, chấp nhận trao đổi hàng hóa tự do, đặt xí

---

<sup>25</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 33, trang 122

<sup>26</sup> V.I. Lê Nin, Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. T. 43, trang 256

nghiệp nhà nước trên cơ sở buôn bán và tư bản chủ nghĩa, thỏa hiện với hợp tác xã tư sản và có tính chất tư sản, thay đổi quan điểm từ chỗ sử dụng tạm thời và sớm loại trừ quan hệ hàng hóa - tiền tệ đến quan điểm về khả năng thống nhất giữ tính kế hoạch và tính hàng hóa trong một cơ chế, do đó, đưa lại những thay đổi sâu sắc trong cơ chế quản lý kinh tế - từ hành chính, cưỡng bức và vận động nhiệt tình chính trị đơn thuần sang sự kết hợp tất cả các phương pháp trên cơ sở có căn cứ về kinh tế.

Với quan điểm về những nấc thang, những bước và hình thức quá độ hợp quy luật, có thể hiểu được hiện tượng quay trở lại những luận đề và cả một số hình thức của Chính sách kinh tế mới trong hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay. Đó là vì đầu sao những nước ấy còn ở giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, mà về nguyên tắc thì chưa phải là cộng sản chủ nghĩa đầy đủ. Hơn nữa, theo Lê-nin thì sự vững mạnh của chính quyền vô sản lại tạo khả năng sử dụng mạnh hơn những hình thức quá độ, mà không sợ mất chủ nghĩa xã hội.

Để kết luận, nó thể nói, sở dĩ nhiều người cộng sản khó và chậm hiểu Lê-nin vì trên mức độ khác nhau đều còn bị ràng buộc bởi những tình cảm, ặc cảm, định kiến và quan điểm lý luận, quan điểm đạo đức, kiểu không tưởng, luôn luôn mong muốn hoặc xem như có thể xây dựng ngay một xã hội cộng sản "trong sạch". Nói cách khác, tự giác hay không tự giác, họ còn ít nhiều cảm nghĩ theo chủ nghĩa xã hội không tưởng, rất kiên kỵ với mọi biểu hiện của tư hữu và hàng hóa, bất kể đó còn là tất yếu ngay trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội như một quá trình lịch sử lâu dài, với tư cách giai đoạn đầu của hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa.

Sự trở lại những tư tưởng cơ bản của Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới đặt trong chính thể học thuyết Mác -Lê-nin về thời kỳ quá độ, với trình độ kiến thức và kinh nghiệm hiện đại, có thể xem như bước trưởng thành, bước đổi mới nhận thức về

mô hình xã hội với xã hội chủ nghĩa và quá trình xây dựng xã hội ấy. Đó là quá trình chuyển từ mô hình như Lê-nin nói: mang tính không tương quan liêu chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội theo sắc luật từ trên đưa xuống, theo đường thẳng trực tiếp, sang mô hình hiện thực như quá trình tiến hóa tự nhiên hợp quy luật, như sự nghiệp vì dân và do dân trong điều kiện không còn giai cấp tư bản, địa chủ và nền chuyên chính của các giai cấp ấy.

## *PHẦN THỨ HAI*

### **CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ MỚI Ở NƯỚC TA**

Nền kinh tế mới ở nước ta đang trong quá trình hình thành, tự đổi mới để phát triển. Trên thực tế đã xuất hiện nhiều nhân tố mới phù hợp định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, những cái sinh ra trong điều kiện chính sách và cơ chế cũ vẫn còn khá nhiều. Hơn nữa, nhân tố mới thường chưa trọn vẹn; mặt tất yếu, tiến bộ nhiều khi xen lẫn, ẩn giấu trong vô số cái ngẫu nhiên và tạm thời. Kiến thức lý luận kinh tế cũ, gắn liền với chính sách và cơ chế cũ vẫn đang còn là nhân tố lạc hậu, kìm hãm quá trình đổi mới.

Chính thực tiễn sinh động, phong phú, phức tạp và gây cản của công cuộc đổi mới ở nước ta, xét riêng trong lĩnh vực kinh tế, đã và đang đòi hỏi hoạt động lý luận phải gắn với thực tiễn, tự đổi mới để góp phần đánh giá, nhận dạng nhân tố mới, góp phần dự báo và định hướng đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế, phục vụ thiết thực cho công cuộc đổi mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, giảm bớt sai lầm, vấp vấp.

Trên cơ sở phần thứ nhất nghiên cứu "Chính sách kinh tế mới của Lê-nin và những luận đề về mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa", phần thứ hai đề cập vấn đề lý luận, thực tiễn của quá trình xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta. Phương hướng chung của phần này là cố gắng góp sức luận giải những vấn đề cơ bản và thiết thực về lý luận và chính sách của Đảng và Nhà nước ta chủ yếu ở góc độ kinh tế - xã hội, đặt trong sự gắn bó giữa nguyên lý kinh điển, quan điểm chính sách, kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức khoa học hiện đại.



## Chương IV

### SỰ RA ĐỜI CỦA HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI MỚI

#### **1. Sự ra đời của nền kinh tế mới**

Nền kinh tế hiện nay ở nước ta, với tư cách cơ sở kinh tế của chế độ xã hội mới, ra đời trong những điều kiện và tiền đề lịch sử rất đặc thù. Sự nghiệp cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc và vì tiến bộ xã hội do Đảng ta lãnh đạo, trải qua một chặng đường lịch sử lâu dài, đã giải quyết thành công hai vấn đề cơ bản đầu tiên của mọi cuộc cách mạng: giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, tạo ra tiền đề chính trị để xây dựng nền kinh tế mới.

Từ trên 10 năm nay, bài toán xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế thật sự đặt ra với nước ta trong những điều kiện lịch sử rất đặc thù, rất mới:

- Kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ còn phổ biến nhưng nhà nước cách mạng vững mạnh, các giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ.

- Có tiềm lực to lớn về số lượng và chất lượng lao động với sự chuẩn bị có kết quả về giáo dục phổ thông, đội ngũ công nhân và đội ngũ cán bộ tương đối hoàn chỉnh về trình độ và ngành nghề, nhờ trên 30 năm có chính quyền cách mạng;

- Bối cảnh quốc tế đã thay đổi cơ bản: cách mạng khoa học - kỹ thuật mở ra những triển vọng vô cùng to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế; trên thế giới đang diễn ra cuộc đấu tranh của các lực lượng chống đế quốc cùng với xu thế đối ngoại, đua tranh phát triển kinh tế giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, thay cho xu thế phân cách, đối đầu.

Trong những điều kiện lịch sử ấy, sự nghiệp phát triển nền kinh tế nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa, trải qua nhiều thập kỷ tìm tòi, mò mẫm, thử nghiệm, đã diễn ra ngày càng rõ theo những xu hướng tất yếu:

-Xóa bỏ các giai cấp bóc lột, hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó công hữu là nhân tố mới và chủ đạo đặt trong sự liên kết, hợp tác với các hình thức kinh tế tư hữu nhằm giải phóng lực lượng sản xuất của mọi thành phần làm ăn hợp pháp;

-Chuyển sang nền kinh tế hàng hóa như đòi hỏi tất yếu của quá trình xã hội hóa, phát triển lực lượng sản xuất, tạo môi trường thuận lợi để các thành phần và hình thức kinh tế thực hiện phân công, hợp tác, đua tranh phát triển.

-Mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, đối ngoại, hợp tác và đua tranh phát triển với các nước, trong đó có các nước anh em cùng lý tưởng và nhiều nước bạn bè.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra hệ thống chính sách lớn về kinh tế phù hợp với những xu hướng tất yếu đó; đánh dấu bước đổi mới, bước ngoặt rất cơ bản về chính sách kinh tế. Thực chất đó là sự đổi mới, là bước ngoặt trong nhận thức lại mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và quá trình hình thành nền kinh tế ấy ở nước ta trên con đường từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

## **2.Nhận dạng bản chất nền kinh tế mới**

Trong điều kiện có nhà nước cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, các giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong nội bộ nhân dân đã ra đời. Đó là nền kinh tế mới về chất, mới về nguyên tắc so với nền kinh tế trong xã hội cũ.

Trong nền kinh tế nước ta, các thành phần không tồn tại biệt lập, đối lập như hai phía trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" mà ngày càng mở rộng liên kinh tế, liên doanh hợp tác, đồng thời có đấu tranh, đua tranh phát triển. Các thành phần bình đẳng trước pháp luật, hợp tác liên hiệp theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt. Các thành phần sẽ tồn tại phát triển lâu dài và tiến hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế ấy tất yếu có thể đi nên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa bằng con đường hợp tác xã hội chủ nghĩa, không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là con đường Lê-nin đã phát hiện, khởi xướng trong Chính sách kinh tế mới với tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác<sup>27</sup>. Cần và có thể đi đến kết luận: mô hình kinh tế của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là mô hình nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế ấy, với tư cách phương thức sản xuất, là tương đương với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xét về quá trình phát triển lực lượng sản xuất; nhưng khác căn bản về quan hệ kinh tế - xã hội. Bởi vậy, các yếu tố tư hữu còn tồn tại trong đó tất yếu được định hướng phát triển theo con đường hợp tác xã hội chủ nghĩa. Tính tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất hàng hóa nhỏ còn là một khả năng khách quan, nhất là trong bước đầu, nhưng không phải là khả năng chủ yếu, cho nên có thể loại trừ.

Chính sách phát triển kinh tế theo chế độ hợp tác nhằm dẫn dắt những thành phần và hình thức kinh tế tư hữu nhỏ phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa là kết quả quá trình tìm tòi sáng tạo, khó khăn; quá trình đó đã bắt đầu từ sự phát hiện, khởi xướng của Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới, nhưng gần đây

---

<sup>27</sup> Sau đây xin quy ước nói tắt là tư tưởng về chế độ hợp tác

mới được nhiều nước khôi phục, khẳng định trở lại và phát triển sau nhiều thập kỷ thử nghiệm thay thế chính sách ấy bằng chính sách kinh tế công cộng hiện vật bình quân và cơ chế hành chính tập trung.

Bởi vậy, bản chất của kinh tế mới là chế độ hợp tác kiểu theo tư tưởng của Lê-nin. Mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa, về bản chất, là chế độ kinh tế hợp tác (không phải chế độ tư bản, cũng không phải chế độ công cộng). Con đường tạo lập chế độ kinh tế mới, tạo lập quan hệ sản xuất mới là con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa hiểu theo tư tưởng Lê-nin. Từ đó có thể nói, ở nước ta, nền kinh tế mới xét về nguyên tắc, về chất đã bước đầu hình thành su khi cách mạng giành được chính quyền và bảo vệ được chế độ mới, xóa bỏ chế độ bóc lột và giai cấp bóc lột, tạo thành cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp mới trong nội bộ nhân dân.

### **3. Chế độ kinh tế hợp tác tạo động lực và hợp lực phát triển**

Trong nền kinh tế mới có mâu thuẫn cơ bản giữa một bên là yêu cầu giải phóng, kích thích cá nhân nhằm tạo động lực thúc đẩy lao động và tích lũy tái sản xuất mở rộng nhanh chóng với một bên là yêu cầu từng bước thực hiện công bằng xã hội (mâu thuẫn giữa yêu cầu giải phóng, phát triển cá nhân với yêu cầu phát triển cộng đồng nhân dân và dân tộc).

Chủ nghĩa tư bản đặt ưu tiên vào sự phát triển cá nhân, sự phát triển tư bản, hy sinh công bằng xã hội để phát triển, do đó, tạo ra giai cấp đối kháng và mâu thuẫn đối kháng giai cấp. Ngày nay, cách mạng khoa học - kỹ thuật tạo khả năng và đòi hỏi rất lớn buộc chủ nghĩa tư bản phát triển theo sự thích nghi với xu hướng dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội.

Chủ nghĩa xã hội theo mô hình công cộng hiện vật mang ảo tưởng đặt ưu tiên vào công bằng, hạn chế cá nhân vì cộng

đồng, làm mất động lực cá nhân, đã rơi vào chủ nghĩa bình quan và tẻ quan liêu, làm biến dạng chủ nghĩa xã hội. Cuộc cải tổ, đổi mới được đặt ra như tất yếu lịch sử nhằm khắc phục sự biến dạng đó.

Chủ nghĩa xã hội theo mô hình chế độ kinh tế hợp tác lấy sự phát triển cá nhân, lợi ích cá nhân làm mục tiêu và động lực xuất phát, đồng thời từng bước thực hiện công bằng xã hội nhằm mục tiêu phát triển cộng đồng. Đó là công bằng, bình đẳng trong điều kiện lịch sử cụ thể, theo nguyên tắc pháp quyền tư sản.

Như vậy, chế độ kinh tế hợp tác là hình thức giải quyết cơ bản trong nội bộ nhân dân, thể hiện sự thống nhất giữ hai mặt đối lập: nó lấy lợi ích cá nhân làm động lực xuất phát, lấy quan hệ hợp tác tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi để tạo thành hợp lực; một mặt giải phóng cá nhân, đồng thời từng bước thực hiện công bằng xã hội; tạo ra sự hợp tác đồng thời có đua tranh trong nội bộ nhân dân; tạo khả năng tổng động viên và tổ chức lực lượng toàn dân trên mặt trận kinh tế.

#### **4. Chế độ kinh tế hợp tác là cơ sở kinh tế của nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa:**

Chế độ kinh tế hợp tác, xét về bản chất cũng là chế độ kinh tế dân chủ trong điều kiện lịch sử cụ thể. Ở nước ta, chế độ chính trị mới, dù ở bước đầu, với tư cách chế độ dân chủ, cần phải có và đã bắt đầu có cái gốc là chế độ kinh tế hợp tác.

Chế độ tư hữu phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa cường điệu sự phát triển cá nhân, tự do cạnh tranh, đi tới dân chủ tư sản, tư sản nắm thực quyền, đi tới quan liêu phản dân chủ.

Chế độ kinh tế công cộng hiện vật bình quân với cơ chế hành chính tập trung kiểm chế cá nhân vì cộng đồng, với bộ máy chính quyền nhân danh cộng đồng, không tránh khỏi quan liêu, mất dân chủ.

Chế độ kinh tế hợp tác thật sự tôn trọng cá nhân, phát triển cá nhân trong quan hệ hợp tác, tạo cơ sở cho chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó là nền dân chủ trong đó quyền công dân về kinh tế được thực hiện, trước hết là quyền tự do hợp tác lao động và tích lũy phát triển sản xuất.

Chỉ với chế độ hợp tác theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi giữa mọi công dân thuộc các giai cấp và tầng lớp trong nội bộ nhân dân cách mạng như vậy mới có cơ sở kinh tế để tạo thành chính quyền nhà nước thật sự là nhà nước nhân dân do đảng Mác xít lãnh đạo; tạo thành khối đại đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của toàn dân trên cơ sở thống nhất lợi ích kinh tế; tạo khả năng đi vào sự tổ chức có kế hoạch trên quy mô xã hội theo quan điểm kinh tế trên nền tảng dân chủ và đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu.

Tư tưởng về chế độ kinh tế hợp tác và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đặt trên cơ sở chế độ kinh tế ấy là tư tưởng chỉ đạo mở đường cho cộng đồng nhân dân và dân tộc tự nhận thức lại, nhanh chóng vượt qua thực trạng mà ngay trong điều kiện đã có nhà nước cách mạng do đảng mác - xít lãnh đạo, các giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ, nhưng các thành phần kinh tế trong nội bộ nhân dân vẫn hoạt động trong sự phân cách đối lập, chia rẽ mà nguồn gốc là sự đối lập về lợi ích kinh tế vốn có trong chính sách và cơ chế cũ. Chính sách và cơ chế cũ cường điệu cộng đồng, kiểm chế cá nhân, triệt để xóa bỏ tư hữu, cường điệu hành chính tập trung, kiêng kỵ quan hệ hàng hóa - tiền tệ và tự quản dân chủ. Ở mức độ ít cực đoan hơn, đó vẫn là chính sách chấp nhận nhưng phân biệt, cách ly, đối lập các thành phần và hình thức kinh tế trong nội bộ nhân dân và dân tộc, phân ra hai phía xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa, cường điệu nguy cơ tự phát tư bản chủ nghĩa, rút cuộc rơi và trạng thái rối loạn vô tổ chức. Đó là thực trạng mà Lê-nin gọi là chủ nghĩa tư bản tiểu tư hữu, là cái có thể làm cho chủ nghĩa xã hội thất bại.

## **5. Tư tưởng về chế độ kinh tế hợp tác là quan điểm cơ bản của học thuyết phát triển kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa**

Đây là quan điểm cơ bản của sự thiết kế mô hình nền kinh tế mới - mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ra đời tổng điều kiện chủ nghĩa tư bản chưa phát triển hoặc ờn kém phát triển mà Mác - Ăng-ghen không dự báo. Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa không phải là một định mệnh. Lịch sử từ sau Cách mạng tháng Mười mở ra con đường mới mà Đảng và nhân dân ta đã chọn lựa. Nền kinh tế mở ở nước ta không ra đời trên cơ sở tư bản chủ nghĩa đã phát triển cao (như C.Mác dự báo); cũng không phải đợi đến sau khi đã có sự phát triển đó; mà là cái thay thế và tương đương với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa xét về quá trình phát triển lực lượng sản xuất, nhưng khác căn bản về quan hệ kinh tế - xã hội do đặt trong những điều kiện đặc thù về kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử trong nước và quốc tế.

Đây không phải là ý chí chủ quan, hay ảo tưởng của người lãnh đạo, mà là một xu hướng, một quá trình lịch sử tất yếu, khởi đầu từ Cách mạng tháng mười Nga. Quan điểm của Đại hội VI về việc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chế độ hợp tác, với mô hình nền kinh tế mới, hoàn toàn trùng hợp với quan điểm chung của nhiều nước xã hội chủ nghĩa về mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được nhận thức lại; đều là sự khôi phục và phát triển tư tưởng Lê-nin về mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa. Như vậy, hoàn toàn có thể cần nói rằng nền kinh tế nước ta đã là mới, là xã hội chủ nghĩa ở bước đầu. Chúng ta đã bắt đầu có nền kinh tế mới. Đúng ra là chúng ta cũng như nhiều anh em với xu hướng cải tổ, đổi mới, đang khôi phục và phát triển chế độ kinh tế hợp tác, từ bỏ chế độ kinh tế công cộng bình quân với cơ chế hành chính tập trung, trở về mô hình chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của Lê-nin.

Với sự nhận thức lại mô hình nền kinh tế và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa như vậy, tương nhiên phải nhận thức lại nội dung thời kỳ quá độ. Khi chúng ta nói nước Việt Nam hiện nay đang ở bước đầu thời kỳ quá độ, thì cần và có thể hiểu đó là bước đầu thời kỳ quá độ, thì cần và có thể hiểu đó là bước đầu của chủ nghĩa xã hội với tư cách giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa như một thời kỳ quá độ lâu dài để đi tới chủ nghĩa cộng sản, chứ không phải là bước đầu của thời kỳ quá độ nằm ngoài chủ nghĩa xã hội.

Thiếu sự nhận thức lại như vậy thì không thể tạo ra sự nhất quán thực hiện chế độ kinh tế hợp tác và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đó là vì theo cách hiểu cũ còn rất phổ biến cho đến nay, thời kỳ quá độ là thời kỳ nằm ngoài chủ nghĩa xã hội, cho nên trong đó vừa có cái xã hội chủ nghĩa vừa có cái phi xã hội chủ nghĩa; nền kinh tế vừa có thành phần xã hội chủ nghĩa, vừa có thành phần phi xã hội chủ nghĩa với mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, vì vậy nhiệm vụ chủ yếu là giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường tiến hành bằng cải tạo quan hệ sản xuất theo mục tiêu công cộng hòa để có chủ nghĩa xã hội thuần khiết. Thực tế lịch sử chỉ rõ chính là từ nhận thức như vậy về thời kỳ quá độ và nền kinh tế quá độ, đã đi tới hai sai lầm về chính sách. Trước hết đó là chính sách thịnh hành trước đây: chính sách đốt cháy giai đoạn, đẩy mạnh quốc doanh hóa, tập thể hóa, mau chóng vượt qua thời kỳ quá độ (theo cách hiểu cũ) để có chủ nghĩa xã hội trong sạch. Thứ hai là chính sách chấp nhận thời kỳ quá độ (theo cách hiểu cũ), chỉ khác là kéo dài nó ra; từ đó rất dễ đưa tới sự chấp nhận nguyên dạng và duy trì lâu dài các thành phần và hình thức kinh tế tư hữu; đồng thời duy trì lâu dài chính sách phân biệt đối xử giữa hai loại thành phần kinh tế và chính sách phân cách, đấu tranh loại trừ nhau giữa xã hội chủ nghĩa và



cái phi xã hội chủ nghĩa ngay trong nội bộ nhân dân. Chính sách như vậy không bao giờ có thể tạo ra động lực mới, càng không thể tạo ra hợp lực mới, không thể tìm ra và phát huy tính ưu việt của nền kinh tế mới và chế độ xã hội mới từ thời điểm này.

Tổng quát lại, có thể nói rằng chính là nhờ rút ra bài học từ những chính sách trước đây, và trên cơ sở kinh nghiệm của những nhân tố mới, đặc biệt là mô hình hợp tác, liên doanh, liên kết nhiều thành phần, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra chính sách mới: chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác, thực chất đó là sự trở lại và phát triển quan điểm của Lê-nin về mô hình nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đó là chính sách phù hợp với tất yếu kinh tế, mà sự nhất quán triển **khai** chính sách sẽ mở đường cho đất nước phát triển nhanh trên con đường xã hội chủ nghĩa, với những ưu việt của hình thái **kinh tế** - xã hội mới, dù nó còn đang ở bước đầu. Đó là lời giải cho bài toán phát triển của Đại hội VI đã đặt nền móng.

## Chương V

### NHẬN THỨC QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

#### **1. Đổi mới nhận thức về quá trình phát triển kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa**

Sau đại thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, giải phóng và thống nhất Tổ quốc, Đảng ta mới thật sự có điều kiện chuyển sang gánh vác sứ mệnh đội tiên phong trong sự nghiệp phát triển nền kinh tế của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong sứ mệnh mới, điều quan trọng nhất của đảng là đề ra cương lĩnh phù hợp với lô-gics khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cương lĩnh đó cũng là cương lĩnh phát triển trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ

nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Từ lâu, Đảng ta đã đề cập đến vấn đề này và đã trải qua nhiều thập kỷ tìm tòi, thử nghiệm. Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt về đổi mới nhận thức lý luận và chính sách. Bước ngoặt đó là sự quán triệt ở trình độ mới về chất những tư tưởng của Lê-nin trong Chính sách mới, đặc biệt là tư tưởng Lê-nin trong chính sách kinh tế mới. Đó là bước trưởng thành vượt qua nhận thức cũ mang tính chất ấu trĩ "tả", chủ quan, duy ý chí với hàng loạt những cường điệu, kỳ thị phiến diện và công thức đơn giản. Tuy nhiên, đó mới là nhận thức trên những nét cơ bản bước đầu. Nghiên cứu xây dựng cương lĩnh phải nhất quán theo con đường của Đại hội, thực hiện có hệ thống và triệt để sự đổi mới nhận thức lý luận và chính sách kinh tế.

Tính chất ấu trĩ "tả" chủ quan duy ý chí trong nhận thức cũ về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thể hiện trên ba vấn đề lớn: *Một là*, nhận thức quá trình phát triển lực lượng sản xuất với lý luận cũ về công nghiệp hóa: ưu tiên công nghiệp nặng trong cơ cấu công - nông nghiệp được nhanh chóng cơ khí hóa, tập trung hóa, tương đối hoàn chỉnh về ngành nghề để bảo đảm kinh tế dân tộc tự chủ, xem nhẹ liên kết quốc tế, xem nhẹ việc phát triển **những** ngành, nghề truyền thống vốn có; xem nhẹ và bỏ qua nhiều loại dịch vụ, trong đó lĩnh vực thông tin bị xếp vào loại chi phí sản xuất. *Hai là*, nhận thức về quá trình cách mạng quan hệ sản xuất với lý luận đẩy mạnh công cộng hóa các quan hệ kinh tế: quốc doanh hóa, tập thể hóa, thực hiện triệt để công hữu, công quản, công ích, xóa bỏ hoặc kìm hãm tối đa mọi yếu tố tư hữu, khoán, quản (**tối** kỵ tự quản) và lợi ích cá nhân. *Ba là*, nhận thức về hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa với luận điểm coi kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất có tính xã hội trực tiếp, về cơ bản không cần xã hội hóa gián tiếp qua các quan hệ hàng hóa - tiền tệ là con đường của chủ nghĩa tư bản; từ đó xây dựng hệ thống quản lý tập trung,

thống nhất cao độ theo kế hoạch phép lệnh trực tiếp từ trên, lấy giá trị sử dụng là chính với quan hệ giao nộp cấp phát hiện vật; các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường chỉ được chấp nhận trên hình thức, cục bộ, tạm thời.

Một đặc điểm nổi bật của mô hình nhận thức cũ là sự nhất quán tuân theo luận đề: không làm ăn kiểu chủ nghĩa tư bản, hiểu theo nghĩa phải làm ngược lại với chủ nghĩa tư bản, nhân danh lập trường cách mạng triệt để. Từ đó, mang hy vọng tạo lập nền kinh tế khác hẳn (ngược lại) với chủ nghĩa tư bản, và do đó sẽ hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Mô hình cũ phần nào có tính tất yếu khi nhà nước cách mạng còn bị bao vây và trong hoàn cảnh có chiến tranh. Khi cách mạng chuyển giai đoạn, nhiệm vụ nêu gương phát triển, đua tranh kinh tế thật sự đặt ra, thì mô hình đó tuy quả là khác hẳn chủ nghĩa tư bản, nhưng hơn thì không dễ. Thực tiễn ngày càng chứng tỏ rằng, với lý luận và chính sách xuc, nhà nước cách mạng áp đặt ý chí chủ quan không phù hợp với quá trình kinh tế khách quan. Còn quá trình kinh tế khách quan, với sức mạnh của tất yếu kinh tế, bị kìm hãm, không tránh khỏi rơi vào thực trạng phát triển tự phát, rối loạn và lãng phí. Chính từ đó, yêu cầu đổi mới có tính cách mạng được đặt ra như bài toán về sự phát triển. Tương lai của đất nước, tính tất yếu, tính ưu việt của con đường xã hội chủ nghĩa phụ thuộc vào sự nghiệp đổi mới có tính cách mạng, trong đó trước hết phải đổi mới nhận thức lý luận và chính sách.

Với tư tưởng của Đại hội VI, có thể nói quá trình phát triển kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được nhận thức lại một cách cơ bản. Theo quan điểm của **Đại** hội VI, Đảng ta khẳng định có khả năng khách quan để phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Cái mới là bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng không bỏ quan, hơn nữa còn tuân theo những quá trình kinh tế tất yếu; không thể bỏ qua mà còn phải học tập kinh

nghiệm xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế của các dân tộc trong điều kiện thế giới hiện đại. Những kinh nghiệm đó trước đây thường bị quy tất cả thành cái riêng của chủ nghĩa tư bản. Đó là kinh nghiệm về quá trình phát triển lực lượng sản xuất, về vai trò của nông nghiệp, công nghiệp, chế biến và tiểu thủ công; vai trò dịch vụ - lĩnh vực thứ ba, đặc biệt là dịch vụ thông tin với tư cách lực lượng sản xuất trực tiếp. Đó là kinh nghiệm về quá trình phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và phát triển kinh tế tư hữu nhỏ nói riêng theo chế độ hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó còn là kinh nghiệm về quá trình phát triển các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường trong từng nước và trong quan hệ kinh tế quốc tế, xem như môi trường không thể thiếu để thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa, quốc tế hóa, tạo ra khả năng và công cụ bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế.

Với quan điểm của Đại hội VI, chúng ta không hề khôi phục nền kinh tế cũ, cũng không hề chấp nhận phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; mà trái lại, nhằm thiết lập một nền kinh tế mới về nguyên tắc, mới về chất, phù hợp với lo gics lịch sử khách quan.

## **2. Quan điểm chính sách mới của Đảng trong việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất:**

Quan điểm của Đại hội VI về chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đặt trên cơ sở đổi mới căn bản nhận thức về việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chính sách mới vẫn còn là quá trình tiếp tục tìm tòi, sáng tạo không đơn giản. Đó là do cơ cấu kinh tế nhiều thành phần hiện nay đang trong thực trạng còn nhiều tính tự phát. Nhân tố mới phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy đã khá phổ biến, nhưng vẫn còn ở dạng manh nha, chưa phát triển, lại xen lẫn nhiều

nhân tố tiêu cực. Cái tất yếu tiến bộ ẩn giấu trong vô số cái ngẫu nhiên. Bởi vậy trong các cơ quan quản và nhà nước, cũng như trong dư luận xã hội nói chung còn những cách hiểu rất khác nhau trên nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn.

Để thấu suốt chính sách của Đảng, tạo ra sự đồng tâm nhất trí cao trong đảng và trong toàn xã hội, cần hiểu thực chất chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là sự trở lại, sự vận dụng sáng tạo, sự kế thừa có phát triển những tư tưởng cơ bản của Lênin trong Chính sách kinh tế mới, đặc biệt là tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác, nhằm tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất như một quá trình tiến hóa hợp quy luật theo con đường xã hội chủ nghĩa. Quá trình đó bao gồm hai bước khác nhau căn bản về đối tượng, mục tiêu nhiệm vụ và nguyên tắc chính sách. *Bước thứ nhất*: sau khi giành chính quyền về tay nhân dân, dựa vào quyền lực nhà nước và sức mạnh của quần chúng, nhanh chóng xóa bỏ chế độ sở hữu của các giai cấp bóc lột, chuyển thành sở hữu toàn dân trên những khâu quan trọng quyết định nhất, đồng thời duy trì hoặc trao quyền sở hữu trực tiếp cho những tầng lớp lao động tư hữu nhỏ ở những lĩnh vực còn lại. Từ đó, hình thành nên kinh tế nhiều thành phần với cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp mới về chất, mới về nguyên tắc so với nền kinh tế trong xã hội cũ. Ở miền Bắc nước ta thành quả khôi phục và phát triển kinh tế thời kỳ 1957-1960, nhất là trong nông nghiệp (thời kỳ tổ đổi công) thể hiện rõ nét sự giải phóng lực lượng sản xuất nhờ xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, bước đầu xác lập quan hệ sản xuất mới phù hợp. Hơn nữa, trong điều kiện có chính quyền cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, xu hướng phát triển kinh tế, trong đó có xu hướng phát triển các quan hệ sở hữu theo con đường xã hội chủ nghĩa không chỉ là chính sách từ trên đưa xuống mà còn là nguyện vọng của đông đảo quần chúng, với phong trào tổ đổi công, tổ đoàn kết, hợp tác xã... theo những hình thức thích hợp. Từ đó đã tất yếu đặt ra *bước thứ*

hai của việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất nhằm thực hiện xu hướng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trước hết là phát triển các quan hệ sở hữu theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin trong "Báo cáo về sách lược của Đảng cộng sản Nga ngày 5 tháng bảy" (1921) tại Đại hội III quốc tế cộng sản đã phân biệt rất rõ khác nhau về đối tượng, mục tiêu nhiệm vụ và nguyên tắc chính sách giữa hai bước đó. Ở bước thứ nhất, đó là chính sách xóa bỏ hai giai cấp bóc lột là bọn đại địa chủ và bọn tư sản, thực hiện tương đối dễ bằng cách tước đoạt. Ở bước thứ hai, đó là chính sách đối với người sản xuất nhỏ và tiểu tư sản, mà về nguyên tắc không thể thực hiện nhanh chóng bằng tước đoạt (Lê-nin đã nói rằng đây chính là cách làm sai lầm của đảng đã phạm phải trước đó). Lê-nin đề xướng và phát triển tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước (với nhiều hình thức rất phong phú) và về chế độ hợp tác như sự khám phá con đường tiến hóa tự nhiên, hợp quy luật, hợp trình độ quần chúng, để hướng dẫn những người lao động tư hữu nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và thu hút tư bản tư nhân vào đội quân xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sách đó đã là một nhân tố quyết định bước khôi phục và phát triển kỳ diệu của nền kinh tế xô viết trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới.

Cần đặc biệt lưu ý rằng, trong sự trình bày về các hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác, Lê-nin coi trọng nahan tố định hướng xã hội chủ nghĩa với mức cao, thấp khác nhau; đồng thời nhân tố tư hữu và lợi ích cá nhân (tiểu tư hữu, con buôn) được duy trì, sử dụng như một sự tô nhượng. Trong bối cảnh liochj sử lúc đó, chỉ có sự lý giải như vậy mới làm yên lòng đông đảo đảng viên và quần chúng vô sản cách mạng đang có khách vọng "xung phong" theo đường thẳng vào chế độ công hữu cộng sản. Sự tô nhượng đó rất có thể hiểu như bước lùi sách lược tạm thời. Và trên thực tế lịch sử cách mạng xã hội chủ nghĩa, chẳng bao lâu sau khi Lê-nin qua đời, cách hiểu đó đã trở

thành quan điểm chính thống. Từ đó, chính sách kinh tế mới của Lê-nin cùng những tư tưởng về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác đã được thay thế bằng chính sách công cộng hóa triệt để, thịnh hành hơn nửa thế kỷ với những hậu quả nặng nề. Từ nhiều thập kỷ gần đây, ở một số nước, với mức độ khác nhau, đã có hiện tượng trở lại tư tưởng Chính sách kinh tế mới của Lê-nin trên thực tế và trên chính sách, nhất là ở trong khu vực nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và dịch vụ. Trước đây, trong không ít trường hợp, sự trở lại tư tưởng của Lê-nin như vậy còn diễn ra như sự tự phát, thử nghiệm "làm chui". Ngày nay, những nước bước mạnh vào công cuộc cải tổ, đổi mới đều trở lại và vận dụng sáng tạo những tư tưởng lớn của Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và về cách mạng quan hệ sản xuất nói riêng. Sự trở lại đó bao gồm cả sự phát triển sáng tạo nhờ có kinh nghiệm mới, tri thức mới trong điều kiện lịch sử hiện đại.

Ở nước ta, sự trở lại chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được khởi đầu từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (1979) của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV). Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định chính sách sử dụng lâu dài cơ cấu kinh tế nhiều thành phần như quá trình tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất một cách phù hợp. Hội nghị lần thứ 6 vừa qua của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) càng khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát: "Thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất. Đó là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, đảm bảo cho mọi người được tự do làm ăn theo pháp luật, là tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách có hiệu quả cao theo quan điểm đúng đắn của Đại hội VI đã đề ra"<sup>28</sup>. Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh trong bài phát biểu tại Hội

---

<sup>28</sup> Báo Nhân dân, ngày 31-3-1989, trang 1

ng nghị này, còn nói "cũng không cần dùng từ "cải tạo" đao to búa lớn làm người ta sợ, vì ấn tượng cũ còn nặng nề"<sup>29</sup> (2). Đó là những kết luận rất cơ bản về quan điểm chính sách mới, rút ta qua tổng kết thực tiễn; là sự nhất quán, đồng thời có phát triển quan điểm của Đại hội VI, là sự vận dụng sáng tạo, kế thừa có phát triển tư tưởng Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác.

Trong chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, có ba quản điểm cơ bản nhất:

*Quan điểm giải phóng mọi năng lực sản xuất cần thiết và có ích cho quốc tế dân sinh.* Đây là tư tưởng chủ đạo mọi chính sách kinh tế mà Đại hội VI đã đề ra. Từ quan điểm này phải nhìn nhận mỗi thành mỗi hình thức sở hữu trước hết về mặt lực lượng và năng lực sản xuất, để xét nó là cần thiết và có ích cho quốc tế dân sinh hay không. Lực lượng và năng lực sản xuất cần hiểu đầy đủ: từ năng lực lao động, vốn đến tư liệu sản xuất. Năng lực lao động bao gồm năng lực lao động trong mọi khâu và lĩnh vực của quá trình sản xuất xã hội. Kể từ lao động sản xuất theo nghĩa hẹp, đến lao động quản lý, lao động trong lĩnh vực thương nghiệp, dịch vụ, kể cả dịch vụ thông tin. Từ quan điểm giải phóng mọi năng lực sản xuất như vậy mà chúng ta chọn lựa, xác định hình thức quan hệ sản xuất phù hợp, từ hình thức sở hữu đến quản lý và phân phối. Nói đến cùng, quan điểm giải phóng mọi năng lực sản xuất như vậy xuất phát từ quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất. Từ đó có thể nói chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, phát triển liên doanh, liên kết theo định hướng xã hội chủ nghĩa là sự thể hiện quy luật khách quan, là chính sách giải phóng lực lượng sản xuất, là chính sách mang tinh thần dân chủ. Chính

---

<sup>29</sup> Báo Nhân dân, ngày 31-3-1989, trang 4



sách cũ thúc đẩy mạnh quá mức xu hướng công cộng hóa và làm trái quy luật, kìm hãm lực lượng sản xuất và đương nhiên rơi vào cách làm cưỡng bức mắt dân chủ.

Quan điểm coi chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Tinh thần dân chủ bắt nguồn từ quan điểm dân là gốc, là quan điểm chỉ đạo mọi chính sách của Đảng. Điều cần nhấn mạnh ở đây là: vấn đề dân chủ được đặt ra ngay từ chính sách cơ cấu trong điều kiện lịch sử cụ thể của nền kinh tế mới với cơ cấu giai cấp và quan hệ giai cấp mới trong nội bộ nhân dân, không còn giai cấp và mâu thuẫn giai cấp đối kháng. Nhất quán tinh thần dân chủ như vậy mới có thể thanh toán cách nhận thức cũ, xây dựng cách nhìn mới về đấu tranh giai cấp, liên minh giai cấp, quan hệ bình đẳng giữa các thành phần và công dân có quyền tự do làm ăn, sinh sống hợp pháp, thực hiện sự liên minh chính trị của lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong Mặt trận **Tổ** quốc. Sự mở rộng tổ chức của Hội đồng dân và Tổng liên đoàn lao động sang tất cả các thành phần kinh tế... đều đặt trên cơ sở nhận thức mới như vậy. Chính sách kinh tế nhiều thành phần mang tinh thần dân chủ về kinh tế trong bước đầu đương nhiên có mặt trái của nó, làm nảy sinh xu hướng vô tổ chức, vô chính phủ, rối loạn xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy tinh thần dân chủ về kinh tế phải bao hàm sự nâng cao vai trò các nhân tố trực tiếp bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa: vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh và vai trò quản lý nhà nước về kinh tế. Nhưng cần khẳng định rằng chỉ có thể nâng cao vai trò của hai nhân tố định hướng đó khi nhất quán chính sách và cơ chế mang tinh thần dân chủ về kinh tế. Thật sự chuyển sang chế độ tự chủ hạch toán kinh doanh chính là dân chủ hóa về kinh tế, nhằm giải phóng kinh tế quốc doanh khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phát huy vai trò chủ đạo của nó. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, từ bỏ cơ chế quản lý tập trung quan

liêu bao cấp, chuyển sang quản lý chủ yếu bằng phương pháp kinh tế, cũng tức là dân chủ hóa nền kinh tế. Đó là con đường nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế. Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý kinh tế theo tinh thần dân chủ, như vậy là tạo nền tảng dân chủ cho việc xây dựng hệ thống quản lý có kế hoạch hợp lý trên quy mô toàn xã hội: xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp cùng với tình trạng rối loạn, vô tổ chức gắn liền với cơ chế đó.

Vấn đề cuối cùng và quan trọng nhất là quan điểm đặt chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở bậc chiến lược lâu dài, chứ không phải chỉ là vấn đề sách lược, bước lùi, đối phó tạm thời. Chỉ có quan điểm triệt để như vậy mới có thể tạo ra trong mọi thành phần và mọi người dân làm ăn hợp pháp có niềm tin mạnh dạn đầu tư sản xuất, tính kế làm ăn lớn và lâu dài, đẩy lùi và thanh toán xu hướng làm ăn cò con, đối phó tạm thời, lẫn rón vào kinh tế ngầm, phi pháp...

Quan điểm triệt để như vậy xuất phát từ sự phân tích luận chứng có cơ sở khóa học, chứ không phải chỉ là mong muốn chủ quan hay lời hứa tốt lành. Cơ cấu kinh tế chính trị, xã hội của nước ta đặt trong bối cảnh quốc tế hiện đại, hoàn toàn có khả năng phát triển vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa; tức là có khả năng tạo lập nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với chế độ hợp tác xã hội chủ nghĩa hiểu theo tư tưởng Lê-nin. Điều đó có nghĩa là trong quá trình tiến hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần không tồn tại nguyên dạng, tách biệt nhau, mà tiến hóa trong hệ thống liên kết, hợp tác tự nguyện, cùng có lợi, nguyên tắc dân chủ về kinh tế, tạo thành hệ thống kinh tế với tính chất xã hội chủ nghĩa ngày càng cao. Đó là con đường tiến hóa tự nhiên hợp quy luật của sự ra đời, phát triển, hoàn thiện từng bước của quan hệ sản xuất mới.

### **3. Sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách giai cấp xã hội**

Thực tiễn bước đầu chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta đã và đang đặt ra những vấn đề mới mẻ về cơ cấu và quan hệ giai cấp xã hội. Ai cũng thấy với chính sách cải tạo kiểu cũ (chính sách công cộng hóa triệt để), sau khi xóa bỏ các giai cấp bóc lột và thống trị, chúng ta đưa ra cơ cấu giai cấp xã hội với công chức: một thành phần xã hội chủ nghĩa gồm hai giai cấp công nhân và nông dân tập thể cùng tầng lớp trí thức. Điều đó đã thực tế tỏ ra là không phù hợp với tất yếu khách quan, trở thành chính sách kìm hãm, cấm đoán sản xuất, lưu thông, nhiều khi rất hà khắc đối với thành phần kinh tế không phải quốc doanh hoặc tập thể. Thực tế cuộc sống đưa tới sự tất yếu chuyển sang chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Hiện nay, trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo quan điểm mới của Đảng thì công thức cũ về cơ cấu giai cấp xã hội không còn phù hợp. Gần đây nhiều tài liệu nghiên cứu trình bày cơ cấu giai cấp xã hội theo công thức: ngoài cơ cấu hai giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức như cũ, nay thêm thành phần kinh tế cá thể và tư nhân, coi là tất yếu trong thời kỳ quá độ. Đến khi xây dựng xong chủ nghĩa xã hội thì lại trở về công thức hai giai cấp công nông và tầng lớp trí thức. Sự trình bày như vậy tưởng như rõ ràng. Thật ra, từ đó không thể lý giải nhiều vấn đề thực tiễn phong phú, phức tạp hơn gấp bội và đang tiến hóa. Cần xem xét vấn đề này từ hiện tượng, sự kiện, xu hướng đã và đang diễn ra trong cuộc sống, trong đó nhiều điều rất mới mẻ, khác lạ với vốn lý luận cũ.

Trước hết, trong thực trạng cơ cấu kinh tế nhiều thành phần mà thành phần công hữu đóng vai trò chủ đạo, bản thân giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức là chủ tập thể của sở hữu công cộng, nếu đúng theo công thức cũ, phải triệt để từ bỏ tư liệu về tư liệu sản xuất. Vậy mà hiện nay với

chính sách của Đảng, trong các giai cấp và tầng lớp ấy đang có sự phân hóa thu nhập ở một số người trên cơ sở ít nhiều có tư hữu về tư liệu sản xuất, đồng thời vẫn là chủ tập thể của sở hữu công cộng. Sự tư hữu hóa, phân hóa giàu nghèo như vậy là kết quả thực hiện chính sách khuyến khích kinh tế gia đình; chính sách hợp tác hóa với mô hình hợp tác xã kiểu mới; cơ chế hạch toán kinh doanh, giao thầu, giao khoán, hùn vốn cổ phần, cho vay lấy lãi hợp pháp... Những người có tư hữu như vậy (ở đây chỉ nói tư hữu về tư liệu sản xuất và vốn cổ phần, vốn cho vay) vẫn gắn bó với kinh tế công hữu, không thể quy vào thành phần tiêu tư sản, cũng không còn vô sản đồng đều như cũ.

Mặt khác nhiều nông dân cá thể, tiểu chủ, tiểu thương... chưa trải qua bước tập thể hóa, nay cũng từng bước gắn bó với kinh tế công hữu bằng liên doanh, liên kết, hợp tác nhận thầu, nhận khoán, làm đại lý, chi nhánh, "vệ tinh"... Hơn nữa những thành phần ấy hoàn toàn có thể và đang từng bước cùng nhau xây dựng hợp tác xã theo kiểu mới, đúng với nguyên tắc của Lênin: dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi, trong đó mọi người vừa cùng có cái chung, đồng thời vẫn có thể phát triển kinh tế riêng.

Những người kinh doanh tư nhân hợp pháp với quy mô sử dụng lao động, vốn và thu nhập tương đối lowqns, về hình thức thì tương tự như người tư sản trong xã hội cũ, nhưng đã có những khác biệt lớn và mới: họ không thể có vị trí đặc quyền đặc lợi cả về kinh tế và chính trị như giai cấp bóc lột thống trị trong xã hội cũ; ngày càng gắn bó với kinh tế công hữu theo quan hệ phân công, hiệp tác, liên kết, liên doanh (đương nhiên là có cạnh tranh); và đương nhiên phải hoạt động trong quỹ đạo chính sách, luận pháp của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Ở đây về nguyên tắc không phải là sự khôi phục, góc đầu dây của giai cấp tư sản hay thành phần tư sản như đã có trong xã hội cũ. Đó là sự ra đời của thành phần tư sản nhà nước xã hội chủ nghĩa, đặt trong nền kinh tế và chế độ chính trị mới về nguyên tắc, cho nên,

ngay từ đầu đã chịu sự chi phối và quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là thành viên trong đội quân xây dựng chủ nghĩa xã hội, là thành viên của chế độ kinh tế hợp tác xã chủ nghĩa. Đó là sự phát triển đáng mong đợi, chứ không đáng sợ. Nhà nước ta với chính sách kinh tế và cơ chế quản lý mới phù hợp, hoàn toàn có khả năng và bản lĩnh để bảo đảm sự phát triển đó trong quỹ đạo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cái đáng sợ là nhiều người chưa thật tin chính sách mới, cho nên vẫn làm ăn đối phó bằng con đường kinh doanh phân tán nhỏ và kinh tế ngầm phi pháp. Đáng sợ hơn nữa còn là những người nhiều tiền của, không kinh doanh mà giấu của ăn dần để tránh tiếng thành phần tư hữu, bóc lột. Thực chất đó là thái độ thờ ơ, thậm chí là ích kỉ trước nỗi đau của đất nước đang thiếu vốn, đồng bào không đủ việc làm còn phải sống nghèo khổ.

Hiện nay đang có sự khác biệt rõ nét giữa đơn vị kinh tế sở hữu toàn dân (quốc doanh) với đơn vị kinh tế hợp tác tư nhân, cá thể, dù ít nhiều đã có sự đan kết với nhau. Với chính sách kinh tế và cơ chế kinh doanh mới, đã xuất hiện xu hướng ngày càng gắn bó và liên kết với nhau, xích lại gần nhau giữa các đơn vị ấy trên ba mặt cơ bản:

*Một là*, về quan hệ sở hữu và quan hệ tài sản, có xu hướng kinh doanh với vốn cổ phần và vốn đi vay, trong đó mọi đơn vị có thể đồng thời sử dụng vốn từ mọi nguồn sở hữu, tức là có sự đan kết ngay từ vốn sở hữu. Điều đó làm tăng thêm khả năng phát huy vai trò chủ đạo của thành phần công hữu thông qua việc lựa chọn nơi đầu tư và không chế tỷ trọng đầu tư.

*Hai là*, về sử dụng và trả công lao động, có xu hướng đi tới chế độ lao động hợp đồng theo một luật lao động thống nhất.

*Ba là*, về chế độ quản lý, có xu hướng đi tới thực hiện chế độ tự quản của hội đồng cổ đông, tập thể xã viên, tập thể lao

động với hội đồng quản trị theo luật pháp thống nhất. Cũng có xu hướng áp dụng chế độ tuyển lựa, sử dụng giám đốc như một nghề chuyên môn (nghề rất phức tạp, nhưng rất quan trọng) theo chế độ lao động hợp đồng như mọi nghề chuyên khác trong sản xuất, kinh doanh.

Những hiện tượng và xu hướng thực tế đã và đang diễn ra như vậy cho thấy trong điều kiện nền kinh tế mới, đã xuất hiện cơ cấu và quan hệ giai cấp mới về nguyên tắc so với cơ cấu và quan hệ giai cấp trong xã hội cũ; cũng khác so với công thức một thành phần gồm hai giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Do đó, không thể đưa vào nền kinh tế mới những công thức phân định thành phần giai cấp và các phạm trù về quan hệ giai cấp vốn có trong xã hội cũ, là xã hội đặt trên cơ sở chế độ tư hữu thống trị và có giai cấp đối kháng.

Ngày nay, không thể chia nông dân nói chung và nông dân xã viên nói riêng thành phú, trung, bần, cố như cũ; không thể phân chia xã viên hợp tác xã công thương thành vô sản, tiểu tư sản. Có những người lao động trong công thương, dịch vụ quốc doanh, hợp tác không còn thuần nhất vô sản về mặt sở hữu tư liệu sản xuất. Nhiều người có tư hữu tương đương tiểu chủ cũ, nhiều người có chân cổ đông, chẳng lẽ lại xem như sự phân hóa giai cấp và phải đổi thành phần. Ngay cả trí thức, viên chức cũng có thể có mức tư hữu khác nhau, vì họ có thể là cổ đông và cho vay hợp pháp.

Chưa thể đưa ra ngay công thức và phạm trù mới, nhưng có thể nêu mấy đặc trưng mới về cơ cấu và quan hệ giai cấp xã hội. Trước hết, trong điều kiện chế độ chính trị và kinh tế với tư cách hệ thống mới về chất, với công hữu là chủ đạo và định hướng xã hội chủ nghĩa, thì mọi thành phần trong hệ thống mới đều ít nhiều mang tính chất của hệ mới và ngày càng gắn bó với nhau trong hệ mới (tuy có đấu tranh và cạnh tranh với nhau). Thứ hai, đó là cơ cấu giai cấp xã hội trong nội bộ nhân dân, phát

triển theo xu hướng liên minh, hợp tác lâu dài từ kinh tế đến chính trị, xã hội. Với cơ cấu giai cấp xã hội mới như vậy đương nhiên phải có quan điểm, chính sách giai cấp xã hội mới, phù hợp.

Sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách giai cấp xã hội, trước hết phải là sự thống nhất từ quan điểm chính sách. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 (khóa VI) có thể thấy rõ ba vấn đề thể hiện sự thống nhất đó:

-Quan điểm giải phóng sản xuất của các thành phần gắn liền với quan điểm giải phóng mọi người lao động và công dân làm ăn hợp pháp.

-Quan điểm dân chủ trong chính sách kinh tế gắn liền với quan điểm dân chủ bình đẳng trong quan hệ giữa các thành phần kinh tế;

-Quan điểm hợp tác kinh tế theo tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước và chế độ hợp tác gắn liền với quan điểm liên minh chính trị, như chiến lược lâu dài.

Với quan điểm như vậy, được nhất quán trong chìnhsachs kinh tế và chính sách giai cấp xã hội, có thể nói trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới và xã hội mới ở nướ ta, giai cấp công nhân từng bước tiếp tục tự giải phóng gắn liền với cuộc giải phóng các giai cấp lao động và đồng minh trong quan hệ dân chủ bình đẳng và liên minh chiến lược lâu dài.

Đó là điều tâm huyết mà Bác Hồ đã nói trong đoạn văn kết thúc bản Di chúc: "Điều mong muốn cuối của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt

Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân tộc và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"<sup>30</sup>

Từ hệ quan điểm mới như vậy càng thấy rõ trong cải tạo quan hệ sản xuất trước đây có sai lầm về quan điểm, chính sách giai cấp - sau khi đã tước đoạt, xóa bỏ các giai cấp bóc lột và thống trị, vẫn cường điệu xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của các thành phần lao động tư hữu nhỏ, đi tới phân chia các giai cấp và tầng lớp xã hội trong nội bộ nhân dân làm hai loại: xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa, thậm chí xem đó như hai phía trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" được hiểu một cách thiên cận; gây tổn hại cho khối liên minh nhân dân và dân tộc, trái với điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ. Với các nhìn nhận cũ, đương nhiên mục tiêu của cách mạng quan hệ sản xuất phải là xóa bỏ càng sớm càng tốt các thành phần tư nhân cá thể, chí ít là phải kìm hãm, phân biệt đối xử, trong khi nó còn là yếu tố kinh tế, là lợi ích sống còn của bộ phận rất lớn trong dân cư. Sự kìm hãm, phân biệt đối xử như vậy đã đưa tới thực trạng các thành phần đó vẫn phát triển như bằng cách đối phó, lẫn trốn vào kinh tế ngầm và kinh doanh phân tán nhỏ, là tình huống vô tổ chức, không thể quản lý và kiểm soát, với nhiều hậu quả rất có hại về kinh tế và chính trị, xã hội.

Với hệ quan điểm mới của Đảng, trong cơ cấu giai cấp xã hội hiện nay ở nước ta, công dân thuộc mọi thành phần làm ăn hợp pháp vừa là chủ thể vừa là đối tượng của sự nghiệp giải phóng; không thành phần nào là đối tượng bị kìm hãm, xóa bỏ, tước đoạt. Tất cả đều là đối tượng lãnh đạo của đảng, đối tượng quản lý của nhà nước, đối tượng vận động của các đoàn thể chính trị, xã hội, đều là thành viên bình đẳng trong quân đội xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng không có nghĩa là buông lỏng cuộc đấu tranh với những biểu hiện và hình thức

---

<sup>30</sup> Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt nam. Hà Nội, 1989, trang 50



hoạt động của các thành phần kinh tế làm tổn hại hoặc đi ngược lại với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **4. Phát triển nền kinh tế hàng hóa là con đường tất yếu để đi lên chủ nghĩa xã hội**

Đại hội lần thứ VI của Đảng coi quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa như bộ phận hữu cơ của quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng tất yếu phải kinh qua quá trình phát triển các quan hệ hàng hóa. Luận điểm này hết sức quan trọng, trùng hợp với luận điểm hiện đại kinh tế học mác-xít coi nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa, xét trên thực chất, tổng thể và lâu dài. Đi tới luận điểm mới như vậy là quá trình hết sức khó khăn. Tư tưởng kinh tế xã hội chủ nghĩa đã qua nhiều thập kỷ mang mặc cảm thành kiến, hạn chế, kiêng kỵ quan hệ hàng hóa và cơ chế thị trường, xem nó là cái chỉ hợp với chế độ tư hữu và tư bản, mang đầy tính chất tư bản chủ nghĩa. Còn chủ nghĩa xã hội với tư cách nền sản xuất có tính xã hội trực tiếp, cơ bản không cần đến các quan hệ ấy. Nhiều người trong giới lý luận và chính khách tư bản cũng coi quan hệ hàng hóa và cơ chế thị trường là thuộc đặc quyền riêng có của chủ nghĩa tư bản. Mỗi khi chủ nghĩa xã hội xã bắt thực sự sử dụng quan hệ hàng hóa và cơ chế thị trường thị họ xem đó như sự phá sản của học thuyết mác-xít về kinh tế xã hội chủ nghĩa. Rất nhiều thập kỷ, trong các nước xã hội chủ nghĩa đã hình thành xu hướng cường điệu với những dự báo đến mức hoang tưởng về hiểm họa do sự tồn tại và phát triển các quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường có thể gây ra cho chủ nghĩa xã hội. Mọi dự tính chấp nhận và sử dụng quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường đều phải đương đầu với những phe phái, ché giễu, răn đe và cuối cùng lên án và xét lại - chạy theo con đường tư bản chủ nghĩa. Các cuộc cải cách kinh tế thị trường bị đẩy lùi.

Tư tưởng của Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới bị xem như bước lùi tạm thời, bất đắc dĩ. Trên thực tế kinh tế xã hội chủ nghĩa, các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường chỉ là hình thức, cục bộ, tạm thời. Đã diễn ra cuộc thử nghiệm có tính lịch sử - thật sự hình thành mô hình nền kinh tế hiện vật với cơ chế điều tiết hành chính tập trung trong mô hình chủ nghĩa xã hội hành chính.

Trong khi đó, trên bộ phận còn lại của thế giới, các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường vẫn phát triển mạnh, trải qua nhiều cuộc khủng hoảng, còn nhiều khuyết tật, không vô sự, nhưng đã đạt trình độ rất cao. Chủ nghĩa tư bản ngày càng biết sử dụng các quan hệ ấy với hiệu lực ngày càng cao trong phạm vi quốc gia và quốc tế, vì lợi ích của nhà tư bản. Chủ nghĩa xã hội đã phải trả giá rất đắt cho cuộc thử nghiệm: mô hình kinh tế hiện vật với cơ chế hành chính tập trung đã trở thành cơ chế kìm hãm, tiêu phí, trái hẳn với bản chất của chủ nghĩa xã hội làm biến dạng chủ nghĩa xã hội.

Từ đó cần rút ra hai kết luận: một là, không phải chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa thua chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa, không phải con đường tiến hòa xã hội chủ nghĩa thua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, mà là kinh tế hiện vật thua kinh tế hàng hóa. Hai là, kinh tế hàng hóa không phải là đặc quyền riêng của chủ nghĩa tư bản. Với tư cách một quan hệ kinh tế khách quan, quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường đã có rất lâu trước chế độ tư bản, tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội cũng như trong chủ nghĩa xã hội. Các quan hệ ấy tồn tại và phát triển trong sự tác động qua lại với tất cả các quá trình kinh tế khách quan khác. Bản chất kinh tế - xã hội của các quan hệ ấy thay đổi phụ thuộc vào hình thái kinh tế - xã hội trong đó có tồn tại và phát triển.

Quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa ở nước ta trong thời kỳ lịch sử mới, do trình độ phát triển còn thấp, lại phải

trải qua cuộc chiến tranh và sự chia cắt đất nước lâu dài, là quá trình phức tạp nhiều mặt: chuyển từ kinh tế tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa; từ kinh tế giao nộp, cấp phát hiện vật (của thời chiến) sang kinh tế hàng hóa; từ kinh tế hàng hóa kiểu cũ (thời kỳ bị chiếm) sang kinh tế hàng hóa kiểu mới. Nhìn tổng quát, đó là quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa trên thực chất, tổng thể và lâu dài với cơ chế kinh tế nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác có định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên mười năm gần đây, quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa đã và đang ngày càng mở rộng và đi sâu trên tất cả các lĩnh vực của quá trình sản xuất xã hội chủ nghĩa với sức mạnh của tất yếu kinh tế, sức mạnh hồi sinh sau chiến tranh. Nó làm nảy sinh hàng loạt nhân tố mới, đồng thời còn mang nhiều tính tự phát, gặp nhiều vướng mắc, xảy ra nhiều chấn động, rối loạn. Tuy nhiên, trong sự bẽ bộn, cực kỳ phức tạp (và mới lạ) của quá trình khôi phục và phát triển kinh tế hàng hóa, từ kinh nghiệm của bản thân và kinh nghiệm quốc tế, cho phép khẳng định: trong điều kiện của chế độ chính trị mới, quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa không chỉ là tất yếu mà còn tác động tích cực thúc đẩy lực lượng sản xuất, thúc đẩy cơ cấu nhiều thành phần phát triển theo chế độ hợp tác với định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy đổi mới và mở rộng quan hệ quốc tế và đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

Sự khôi phục và phát triển ngày càng sâu rộng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường tạo ra môi trường mới rất thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất của các thành phần trong nền kinh tế mới; thúc đẩy xã hội hóa trên tất cả các mặt vật chất, kỹ thuật, phân công, liên kết trong quy mô quốc gia và quốc tế; tạo môi trường phát triển quan hệ liên doanh, hợp doanh, hợp tác nhiều thành phần theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi, trong đó, kinh tế quốc doanh thật sự tự chủ hạch toán kinh doanh có thể phát huy vai trò nòng cốt,

chủ đạo, tạo thành những phức hợp (hiệp hội) sản xuất, kinh doanh lớn trên quy mô cả nước, có khả năng mở rộng và nâng cao hiệu quả phân công và hợp tác quốc tế; tạo môi trường và những hình thức kinh tế thúc đẩy thực hiện mạnh mẽ quá trình tích lũy, tích tụ, mở rộng vốn sản xuất xã hội và sử dụng vốn đó có hiệu quả ngày càng cao theo xu hướng huy động vốn của mọi thành phần với các hình thức công trái, tín dụng, hùn vốn, tự đầu tư kinh doanh. Đó là một mặt. Mặt khác là xu hướng giao thầu, giao khoán vốn và tài sản công hữu cho cá nhân và tập thể lao động trực tiếp quản lý, sử dụng, với chế độ trách nhiệm vật chất và nguyên tắc cùng có lợi giữa chủ thể sở hữu và chủ thể quản lý, bảo đảm thực hiện những ưu việt của chế độ công hữu. Và sau cùng, sự phát triển của quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường cũng tạo ra khả năng đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng: chuyển sang cạnh tranh động bằng biện pháp kinh tế là chủ yếu (với công cụ và thực lực tài chính, tiền tệ của nền kinh tế hàng hóa) gắn liền với xu hướng dân chủ hóa, thực hiện chế độ tự chủ, tự quản của người sản xuất hàng hóa được đặt trước thị trường, giải phóng cơ quan nhà nước khỏi tệ quan liêu, bao biện làm thay người sản xuất, kinh doanh, để thật sự đi vào chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, nhất là ở cấp vĩ mô.

## *Chương VI*

### ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

#### **1. Đổi mới cơ chế quản lý trên cơ sở bố trí lại cơ cấu kinh tế**

Trong chính sách kinh tế của mỗi nước có hai mặt cơ bản: chính sách cơ bản (kể từ cơ cấu sản xuất đến cơ cấu thành phần kinh tế) và cơ chế quản lý kinh tế. Kinh tế phát triển thành công hay chưa thành công, trước hết do chính sách cơ cấu phù hợp và gắn với nó là cơ chế quản lý phù hợp. Đảng ta đã trải qua nhiều năm vừa làm vừa tìm tòi, hoàn chỉnh chính sách trên cơ sở những kinh nghiệm thành công cũng như sai lầm, khuyết điểm. Xét trên góc độ nhận thức và vận dụng quy luật kinh tế - xã hội, bài học quan trọng hàng đầu là: trước hết phải tính đến quy luật về sự phù hợp và tác động tích cực trở lại của chiến lược, chính sách đối với thực trạng và quá trình kinh tế khách quan; về sự phù hợp và tác động tích cực trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất, cũng như của cơ chế quản lý đối với đối tượng khách quan là quá trình sản xuất xã hội. Nói cách khác; phải đặt chính sách cơ cấu và cơ chế trong những điều kiện lịch sử khách quan của bước đầu thời kỳ quá độ với những quy luật khách quan, những khả năng và hạn chế có tính lịch sử khách quan, khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí.

Đại hội lần thứ VI của Đảng xem xét vấn đề đổi mới cơ chế, quản lý kinh tế trên cơ sở bố trí lại cơ cấu kinh tế, trong sự tác động qua lại giữa chính sách cơ cấu và cơ chế quản lý. Không thể có cơ chế quản lý kinh tế đúng đắn nếu chính sách cơ cấu, trong đó có chính sách cải tạo, chính sách khuyến khích sản xuất và lưu thông hàng hóa, chưa được xác định đúng đắn. Mặt khác cơ chế quản lý có tác động tích cực trở lại cơ cấu kinh tế. Bởi vậy, để làm rõ thực chất của quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải đặt nó trong quá trình đổi mới chính sách kinh tế

nói chung. Từ cách đặt vấn đề như vậy mà so sánh, nhận biết, phân biệt cơ chế cũ và cơ chế mới.

Cơ chế quản lý cũ dựa trên cơ sở cuộc cách mạng nhảy vọt tron quan hệ sản xuất, xóa bỏ mọi nhân tố tư hữu, xây dựng chế độ công hữu đầy đủ, xóa bỏ hoặc thu hẹp các quan hệ hàng hóa (hiện vật hóa) nhanh chóng xây dựng hệ thống quản lý có kế hoạch tập trung cao độ dựa vào quan hệ hành chính - tổ chức trực tiếp. Quy tắc tác động cơ bản của cơ chế quản lý này là ưu tiên tác động bằng quyền lực hành chính - tổ chức trực tiếp, gắn liền với quan hệ kinh tế giao nộp cấp phát. Đó là cơ chế quản lý bằng hành chính, tập trung trực tiếp từ trên xuống.

Cơ chế quản lý mới dựa trên cơ sở tiến hóa quá độ trong cách mạng quan hệ sản xuất, sử dụng hệ thống kinh tế nhiều thành phần, lấy công hữu là chủ đạo, mở rộng quan hệ hàng hóa, từ đó xây dựng lại hệ thống quản lý có kế hoạch tập trung thống nhất trên cơ sở phân cấp làm chủ dựa vào quan hệ kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Quy tắc tác động cơ bản của kiểu quản lý này là sử dụng biện pháp và sức mạnh tổng hợp, lấy biện pháp kinh tế là chủ yếu. Đó là cơ chế quản lý có kế hoạch theo phương thức hạch toán kinh doanh và nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nhìn lại lịch sử phát triển hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, có thể nhận thấy sự chuyển hướng từ cơ chế cũ sang cơ chế mới rõ rệt nhất là trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới ở Liên Xô. Trong những năm gần đây, hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa ở mức độ khác nhau và trong những điều kiện khác nhau đều phải chuyển sang cơ chế mới. Truyền thống và đặc điểm dân tộc có dấu ấn rất rõ trong mô hình của mỗi nước: một số nước có truyền thống tổ chức rất cao số nước khác có truyền thống kinh doanh giỏi; một số nước nền kinh tế có quy mô và tiềm lực rất lớn và toàn diện, song một số nước khác thì quy mô và tiềm lực còn nhỏ; có nước đã công nghiệp hóa cao, có nước còn sản xuất nhỏ, v.v... Khi khả năng chiến tranh tăng

lên thì mô hình thiên về tổ chức hành chính tập trung trực tiếp và cứng. Ngược lại, hòa bình, hòa dịu và quan hệ kinh tế quốc tế bình thường lại đòi hỏi và tạo khả năng chuyển sang cơ chế năng động và mềm dẻo hơn.

Ở nước ta, ngay từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV), nhất là từ Đại hội lần thứ V, trong chủ trương, chính sách, Đảng đã từng bước đề ra nhiều quan điểm mới về cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Và trong thực tế đời sống kinh tế, đã xuất hiện nhiều nhân tố mới về cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế. Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách đó còn chưa toàn diện, chưa triệt để và chưa nhất quán. Trong thực hiện, đã có nhiều sai lầm, khuyết điểm. Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt cơ bản về đổi mới chính sách cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế. Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng vừa họp và tổng kết thực tiễn hai năm thực hiện nghị quyết Đại hội, đề ra những quan điểm và phương hướng - chủ trương lớn, nhất quán theo quan điểm của Đại hội, có bổ sung, phát triển. Đó là những cơ sở vừa tạo thuận lợi vừa đòi hỏi nhất quán đổi mới cơ chế quản lý. Chính sách mới về cơ cấu kinh tế tất yếu đòi hỏi đổi mới căn bản cơ chế quản lý kinh tế trên hai hướng lớn:

Một là: chuyển hẳn hệ thống quản lý kinh tế sang cơ chế hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở lấy kế hoạch hóa làm công cụ trung tâm, vận dụng tổng hợp hệ thống quy luật kinh tế khách quan nhằm thích nghi và làm chủ quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Hai là: bảo đảm đúng đắn hiệu lực quản lý tập trung thống nhất trên cơ sở phát huy mạnh mẽ chế độ tự chủ của đơn vị cơ sở, ngành sản xuất - kinh doanh và địa phương, phù hợp với chính sách cơ cấu lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực trạng sản xuất nhỏ còn phổ biến và còn mất cân đối gay gắt,

nhằm tập trung thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế.

## **2. Vận dụng tổng hợp hệ thống quy luật khách quan**

Nhận thức quy luật khách quan trong quản lý kinh tế

Cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa hình thành phát triển và hoàn thiện theo quy luật. Nhận thức càng đầy đủ và đúng đắn hệ thống quy luật khách quan thì việc đổi mới quản lý kinh tế càng có cơ sở khoa học. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: "Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng"<sup>31</sup>. Việc xử lý những vấn đề thực tiễn cực kỳ đa dạng, khó khăn và phức tạp hiện nay của công tác kinh tế nước ta càng đòi hỏi nghiên cứu cơ bản về các quy luật. Bài học lớn và sâu sắc mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ ra là: "Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan"<sup>32</sup>. Do đó, vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận cơ bản nhất đối với công tác quản lý kinh tế là nhận thức đúng thực trạng nền kinh tế ở bước đầu thời kỳ quá độ hiện nay với tư cách là đối tượng (khách thể) của quản lý, từ đó mới có thể nhận thức đúng đắn hệ thống quy luật mang tính lịch sử khách quan. Chính sự phân kỳ và xác định chặng đường trước mắt, vạch rõ trạng thái hiện nay của nền kinh tế là bước tiến mới rất quan trọng cho phép nhận thức và vận dụng quy luật xuất phát từ thực tế, tức là đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể, với những khả năng và hạn chế có tính lịch sử khách quan. Điều đó sẽ giúp khắc phục sự xem xét quy luật một cách không tương. Theo học thuyết của Mác thì quy luật kinh tế xã hội là quy luật mang tính lịch sử - khách quan. Không có quy luật kinh tế xã hội khách quan trừu tượng.

---

<sup>31</sup> Đảng Cộng sản Việt nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1987, trang 30

<sup>32</sup> Đảng Cộng sản Việt nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1987, trang 30



Từ quan điểm lịch sử, khi đề cập trực tiếp đến hệ thống quy luật, trước hết phải nói đến quy luật về sự phù hợp và tác động tích cực trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất, đặt trong thực trạng kinh tế - xã hội của bước đầu thời kỳ quá độ. Hơn nữa, trong thời kỳ quá độ, tất yếu đòi hỏi sự phù hợp có tính quá độ để tiến lên từng bước, chứ không phải tự phù hợp tiêu cực, thu động. Chỉ với quan điểm ấy mới có thể thấy rõ trong điều kiện của nền chuyên chính vô sản vững mạnh, với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa là chủ yếu, trong đó kinh tế quốc doanh nắm những vị trí chủ chốt, hệ thống kinh tế nhiều thành phần là hệ thống kinh tế phù hợp, nhưng là quá độ và tiến hóa có định hướng vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong hệ thống kinh tế quá độ ấy, tất cả các thành phần kinh tế đặt dưới sự quản lý của nhà nước và sự chủ đạo của kinh tế quốc doanh, tất yếu phải phát triển trong quỹ đạo của chính sách kinh tế và kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất, tạo thành cơ sở kinh tế của liên minh chính trị của lực lượng xây dựng chủ nghĩa xã hội, với nền tảng là liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong hệ thống kinh tế nhiều thành phần ấy, các quy luật khách quan đang tác động cũng mang tính hệ thống. Những quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội tác động chủ yếu trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, qua đó tác động quyết định đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Các thành phần kinh tế tư hữu được sử dụng và cải tạo từng bước. Hệ thống lợi ích kinh tế chưa phải là xã hội chủ nghĩa thuần túy, song lợi ích kinh tế xã hội chủ nghĩa của toàn dân là lợi ích chủ đạo, đồng thời còn có lợi ích kinh tế liên quan đến sự tồn tại tư hữu. Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế từng bước bị xóa bỏ và phát triển xu hướng tạo thành hệ thống lợi ích kinh tế trahatj sự xã hội chủ nghĩa, thống nhất.

Với trình độ kiến thức và kinh nghiệm hiện đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng như riêng của nước ta, Đại hội VI

của Đảng đã đặt nền móng cho những quan niệm rất mới về hệ thống kinh tế nhiều thành phần. Từ những quan điểm xuất phát đó, trên thực tế, đã và đang mở ra khả năng sử dụng kinh tế tư nhân, cá thể, kinh tế gia đình; sử dụng những công cụ của kinh tế hàng hóa như những hình thức kinh tế quá độ, được chuyển hóa từng bước, mất dần tính tự phát để đi vào tổ chức có kế hoạch. Với quan niệm với thị xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất hàng hóa nhỏ tùy là một khả năng khách quan, nhưng có thể hạn chế, loại trừ, không phải là một "định mệnh". Trong điều kiện có nền chuyên chính vô sản vững mạnh và kinh tế quốc doanh khá lớn, nước ta càng có nhiều khả năng sử dụng những hình thức kinh tế quá độ, loại trừ xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa, thực hiện xu hướng quá độ lên chủ nghĩa xã hội của người sản xuất nhỏ nhằm giải quyết triệt để vấn đề "ai thắng ai" một cách hợp quy luật. Đó cũng là khả năng thực hiện cải tạo và quản lý một cách dân chủ, văn minh, đúng với nguyên tắc chính sách Lê - nin - nít của giai cấp vô sản đối với các tầng lớp lao động và đồng minh.

Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhất quán phát triển Nghị quyết Đại hội VI nêu luận điểm: "Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội"<sup>33</sup>.

#### *Sự vi phạm quy luật trong cơ chế cũ*

Trong lãnh đạo và quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, không ai là không nói phải tôn trọng và vận dụng quy luật kinh tế. Trên lý luận, xét về mặt hình thức, quy luật kinh tế đã được trình bày, được giảng dạy và truyền bá. vậy vấn đề ở chỗ nào?

Trước hết, trong cơ chế quản lý kinh tế kiểu cũ thực chất là quản lý theo lệnh hành chính từ trên xuống. Tác động tổ chức

---

<sup>33</sup> Báo Nhân dân ngày 31-3-1989, trang 1

hành chính trực tiếp đóng vai trò quyết định; tác động kinh tế, trên cơ sở kết hợp thống nhất các lợi ích kinh tế, chỉ là phụ trợ, bổ sung. Như vậy đã thực tế được trừ sự tự giác vận dụng mọi quy luật kinh tế là những quy luật tác động vào con người chủ yếu thông qua lợi ích kinh tế của họ. Có chế quản lý chủ yếu dựa vào tác động hành chính trực tiếp từ trên xuống dưới có nguồn gốc lý luận và thực tiễn của nó. Về lý luận, sự tác động bằng hành chính - tổ chức trực tiếp từ trên xuống xuất phát từ luận đề: kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất có tính xã hội trực tiếp ngay từ đầu, không tất yếu phải xã hội hóa gián tiếp qua các quan hệ hàng hóa - tiền tệ là con đường xã hội hóa của chủ nghĩa tư bản. Về thực tiễn, cơ chế ấy dựa trên ưu thế vốn có của nhà nước chuyên chính vô sản, với hệ thống tổ chức chính trị - xã hội rất mạnh, có uy quyền lớn. Có chế quản lý kinh tế kiểu cũ với xu hướng nóng vội trong cải tạo quan hệ sản xuất, đã vi phạm hệ thống quy luật khách quan trên hai mặt. Trước hết đã vi phạm quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất do chủ trương quốc doanh hóa và tập thể hóa triệt để, do đó mất khả năng thật sự sử dụng mọi quy luật kinh tế, tuy vẫn nói vận dụng quy luật. Thứ hai, trong chừng mực nói đến vận dụng quy luật kinh tế, cơ chế cũ đặt trên cơ sở lý luận có tính chất phân biệt đối xử, không thật sự công nhận tính khách quan và tính toàn vẹn của cả hệ thống quy luật kinh tế đang tác động trong thời kỳ quá độ. Cụ thể là sự dè dặt, ngập ngừng trong việc công nhận và vận dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ thị trường và các quy luật, các phạm trù trong đó. Đại hội VI của Đảng đánh giá: "Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế"<sup>34</sup>. Chính từ đó gây nên sự đối lập giả

---

<sup>34</sup> Đảng Cộng sản Việt nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ

tạo giữa quản lý, kế hoạch hóa với quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường là những sự vật, hiện tượng khách quan. Do đó phạm sai lầm và chịu tổn thất lớn trong xử lý giá cả và thị trường, và không thể tự giác vận dụng cả hệ thống quy luật kinh tế. Có thể nói việc thật sự chấp nhận và vận dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ thị trường và các quy luật của nó là cái ngưỡng mà tư duy kinh tế cũ chưa thật sự vượt qua, thậm chí còn cưỡng lại, do đó vẫn loay hoay trong cơ chế quản lý chủ yếu theo lệnh.

Tổng kết thực tiễn quản lý kinh tế của nước ta, Đại hội VI của Đảng đã nêu luận điểm: "Muốn kế hoạch hóa quán trình tái sản xuất hàng hóa, phải vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật đang tác động lên nền kinh tế. Trong hệ thống các quy luật đó, quy luật kinh tế cơ bản cùng với các quy luật đặc thù khác của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo, được vận dụng trong một hệ thống nhất với các quy luật sản xuất hàng hóa, đặc biệt là quy luật giá trị, quan hệ cung cầu..."<sup>35</sup>.

*Những luận điểm mới về vận dụng, tổng thể quy luật kinh tế và cơ chế thị trường*

Trong văn kiện đại hội VI và các nghị quyết Trung ương sau Đại hội, đặc biệt là trong nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương vừa họp đã khẳng định một số luận điểm mới rất quan trọng về việc vận dụng tổng thể quy luật kinh tế và cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay.

Trước hết, Đảng ta đã khẳng định tính khách quan, tính thống nhất của thị trường xã hội thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường xã hội chủ nghĩa là một thể thống nhất, trong

---

VI. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1987, trang 27

<sup>35</sup> Đảng Cộng sản Việt nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1987, trang 27

đó kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế hợp tác xã vươn lên chiếm vị trí chi phối thị trường bằng phương thức kinh doanh. Trước đây về lý luận và thực tiễn đã có quan niệm phân cách hai thị trường (có tổ chức và tự do) với hai hệ giá cả, hai cơ chế quản lý. Trong thị trường có tổ chức, mà về thực chất là kinh tế quốc doanh bị đặt trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, các quy luật và phạm trù của quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quan hệ thị trường chỉ được sử dụng trên hình thức. Thị trường "tự do" có lúc bị ngăn cấm, có lúc được buông thả, do đó càng mang tính vô tổ chức, kích thích phát triển kinh doanh phân tán nhỏ và kinh tế ngầm.

Thế thống nhất của thị trường xã hội cũng được hiểu là chính thể bao gồm thị trường hàng hóa các loại: hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, thị trường tiền tệ... Tính thống nhất của thị trường xã hội còn được hiểu đó là thị trường thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới.

Sự khẳng định tính khách quan, tính thống nhất của thị trường xã hội như vậy thể hiện quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ đó tất yếu phải thay đổi quan niệm về mối quan hệ giữa quản lý, kế hoạch hóa với thị trường: khẳng định thị trường vừa là một căn cứ vừa là một đối tượng của kế hoạch hóa. Quan điểm mới của Đảng cũng khẳng định tính khách quan của các phạm trù: cơ chế thị trường, giá cả thị trường, tỷ giá đồng tiền Việt Nam và ngoại tệ trên thị trường. Từ đó, trong hoạch định chính sách, kế hoạch hóa và quản lý phải vận dụng tổng hợp nhiều loại quy luật, trong đó có các quy luật và phạm trù của thị trường để giải quyết đúng đắn các quan hệ lợi ích, sử dụng các công cụ và biện pháp kinh tế để quản lý và điều tiết thị trường. Như vậy, quan điểm mới của Đảng cũng khẳng định khả năng làm chủ thị trường. Thực tiễn kinh tế đã chứng tỏ rằng, thị trường và giá cả trên thị trường là hiện tượng khách quan. Chúng

hình thành và phát triển có quy luật, và do đó, có thể được điều tiết bởi chủ thể có thực lực, nhận thức được quy luật và có kinh nghiệm kinh doanh. Trong chừng mực nhận thức được quy luật khách quan, có thực lực kinh tế đến mức cần thiết và có kinh nghiệm kinh doanh, với sự hỗ trợ về hành chính và giáo dục của nhà nước, chủ thể kinh doanh lớn có thể thực hiện giữ giá, nâng giá, giảm giá. Theo định hướng của kế hoạch và chính sách, tức là làm chủ giá cả và thị trường trong cuộc đua tranh với các chủ thể sản xuất hàng hóa khác trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trong điều kiện của chính sách kinh tế nhiều thành phần và mở rộng giao lưu hàng hóa, nhà nước và kinh tế quốc doanh của ta vốn có ưu thế áp đảo về thực lực kinh tế, tài chính, nắm quyền lực hành chính trong tay, hoàn toàn có khả năng làm chủ và điều tiết giá cả thị trường theo định hướng của chính sách và kế hoạch kinh tế quốc dân. Ta chưa thực hiện được khả năng đó là do cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, gắn liền với sự thiếu nhất quán về chính sách, làm cho tổ chức kinh tế quốc doanh của ta mặc dù có thực lực rất lớn mà không mạnh, chịu thua thiệt trên thị trường một cách rất vô lý. Để làm chủ thị trường và giá cả, nhà nước vô sản và kinh tế quốc doanh chỉ có một con đường là chuyển sang cơ chế quản lý có kế hoạch theo phương thức hạch toán kinh doanh, tức là học tập để nắm lấy khoa học và nghệ thuật tổ chức kinh doanh, buôn bán với tư cách nhà kinh doanh lớn, nhà buôn lớn và văn minh. Đó là những giáo huấn của Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới - chính sách đã đưa tới sự biến đổi lớn lao trong ngay bước đầu thời kỳ quá độ ở Liên Xô.

### **3. Chuyển các đơn vị kinh tế sang cơ chế kinh doanh**

Thực chất chế độ hạch toán kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Trong cơ chế quản lý kinh tế nói chung, cơ chế quản lý đối với đơn vị kinh tế cơ sở thuộc thành phần xã hội chủ nghĩa được xét trên hai góc độ: cơ chế quản lý nội bộ đơn vị kinh tế cơ sở và cơ chế quản lý của nhà nước đối với đơn vị kinh tế cơ sở. Thực chất chế độ hạch toán kinh doanh đối với đơn vị kinh tế cơ sở là bảo đảm chế độ tự chủ sản xuất - kinh doanh của các đơn vị đó. Trên ý nghĩa này, chế độ hạch toán kinh doanh là thuộc góc độ cơ chế quản lý của nhà nước đối với đơn vị kinh tế cơ sở.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa đã thực tế diễn ra xu hướng chuyển sang cơ chế mới, bắt đầu từ việc chuyển các đơn vị kinh tế cơ sở sang chế độ hạch toán kinh doanh nhằm đảm bảo đầy đủ chế độ tự chủ của nó gắn liền với việc đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Ở nước ta, xu hướng này bắt đầu từ Nghị quyết sáu (khóa IV) của Trung ương, Quyết định 25 CP, nghị quyết 306 (Dự thảo) của Bộ chính trị. Đổi mới quản lý bắt đầu từ đơn vị cơ sở như vậy có nghĩa là giải quyết lại mối quan hệ giữa nhà nước và đơn vị kinh tế cơ sở. Đây là vấn đề quan trọng nhất phân biệt cơ chế mới với cơ chế cũ, phân biệt cơ chế quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa với cơ chế quản lý xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. Các nước xã hội chủ nghĩa đều xem đây là vấn đề cơ bản, nền tảng ở tầm chiến lược của quá trình cải tổ, đổi mới quản lý. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành trung ương vừa họp đã coi đây là khâu trung tâm, đồng thời là điểm xuất phát để xây dựng cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch.

Việc đổi mới cơ chế quản lý bắt đầu từ đơn vị kinh tế cơ sở, gắn liền với sự thay đổi sâu sắc trong nhận thức về đơn vị kinh tế cơ sở trên ba mặt: chức năng, mô hình tổ chức và chế độ tự chủ của nó, mà điều mấu chốt là thật sự coi đơn vị kinh tế cơ sở là người sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa. sự thay đổi quan niệm ấy nhất quán với quan niệm coi nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa, thật sự chấp nhận và sử dụng các

quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Trong cơ chế quản lý cũ cũng như mới, các đơn vị cơ sở đều được đặt trong hệ thống quản lý có kế hoạch theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chỗ khác căn bản là trong cơ chế cũ, đơn vị kinh tế cơ sở không được coi là người sản xuất hàng hóa. Chức năng của nó bị hạn chế ở mặt công nghệ kỹ thuật và tổ chức sản xuất trong nội bộ, theo sự xấp đặt và bảo đảm điều kiện rất tỉ mỉ từ cấp trên, với mô hình tổ chức mang nhiều tính khép kín, tính tự chủ rất hạn chế vì chủ yếu hoạt động theo quan hệ dọc với trách nhiệm thừa hành. Trong cơ chế mới, đơn vị kinh tế cơ sở chuyển sang chức năng người sản xuất hàng hóa, với mô hình mở rộng quan hệ ngang (liên kết, liên doanh) với chế độ tự chủ đầy đủ, cũng tức là tự chịu trách nhiệm về kinh tế, trong khuôn khổ chính sách, kế hoạch kinh tế quốc dân và luật pháp cho phép. Đơn vị kinh tế cơ sở ở nước ta hiện nay (quốc doanh và tập thể) còn làm chức năng một chủ thể tổ chức sử dụng và tạo thành phần kinh tế tư hữu. Chỉ có những đơn vị kinh tế cơ sở với tư cách người sản xuất hàng hóa, với chức năng, mô hình và chế độ tự chủ như vậy mới có thể mở rộng sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa. Từ đó, làm nền tảng cho hệ thống quản lý thống nhất, khắc phục cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

Trong thời kỳ Chính sách kinh tế mới ở Liên Xô, Lê-nin đã đề ra những luận điểm rất cơ bản và rành mạch về chức năng và cơ chế quản lý đơn vị cơ sở, trong đó có luận điểm: "Đặc biệt ngày nay, thương nghiệp tự do và chủ nghĩa tư bản được phép tồn tại và phát triển nhưng phải phục tùng sự điều tiết của nhà nước; và mặt khác những xí nghiệp nhà nước thì chuyển sang cái gọi là hạch toán kinh tế, nghĩa là trên thực chất những xí nghiệp



đó trên một mức độ lớn phải theo những nguyên tắc buôn bán và những nguyên tắc tư bản chủ nghĩa"<sup>36</sup>

*Nội dung chế độ tự chủ sản xuất - kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở*

Căn cứ vào các nghị quyết của Đảng và Nhà nước có thể nêu ra nội dung chính của chế độ tự chủ sản xuất - kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở, thể hiện sự đổi mới về nguyên tắc so với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

*Thứ nhất*, trong cơ chế cũ, việc tổ chức, sắp xếp sản xuất, xác định phương hướng phát triển sản xuất - kinh doanh, xác định phương án công nghệ kỹ thuật và tổ chức sản xuất, cũng như những vấn đề tổ chức cán bộ quản lý, lao động - tiền lương, quan hệ liên kết, liên doanh... của đơn vị cơ sở chủ yếu do cơ quan cấp trên xếp đặt. Trong chế độ hạch toán kinh doanh, đơn vị cơ sở có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm quyết định các vấn đề đó phù hợp với định hướng và chỉ đạo của nhà nước về chiến lược, kế hoạch và chương trình dài hạn, quy hoạch và cân đối lớn, cùng các chính sách và luật pháp.

*Thứ hai*, trong cơ chế cũ, đơn vị cơ sở được đặt trong quan hệ cấp phát vật tư, giao nộp sản phẩm do cấp trên cân đối, xếp đặt trực tiếp, với giá cả do cấp trên xác định. Nay họ được tự chủ trong quan hệ mua bán với các chủ thể kinh doanh khác theo giá cả kinh doanh, trong quỹ đạo mà chính sách và pháp luật cho phép. Như vậy, trong cơ chế mới, đơn vị kinh tế cơ sở được đặt trong thị trường với tư cách người sản xuất hàng hóa, người kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, trước đây cũng như hiện nay, về nguyên tắc, đơn vị cơ sở đều hoạt động có kế hoạch dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước. Chỗ khác căn bản là trong cơ chế cũ, đó là kế hoạch phép lệnh trực tiếp do cấp trên quyết định. Nay, đơn vị

---

<sup>36</sup> V.I. Lê Nin, Tuyển tập. Nhà xuất bản Tiến bộ, Moscow, T44, trang 418

kinh tế tự chủ xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch của mình, trong quan hệ kế hoạch - hợp đồng với các đơn vị khác và với cơ quan nhà nước. Điều đó có nghĩa là kế hoạch được cân đối, xác định, phân giao có thống nhất, có phân cấp trên cơ sở hợp đồng kinh tế. Trong cơ chế cũ, kỷ luật kế hoạch mang tính chất hành chính đơn thuần, là kỷ luật thừa hành lệnh trên. Nay, đó là kỷ luật kinh tế - pháp lý của hợp đồng kinh tế, trong đó những chỉ tiêu pháp lệnh còn được giữ lại cũng phải thể hiện qua hợp đồng kinh tế.

Thứ tư, trong cơ chế cũ, đơn vị kinh tế cơ sở thực chất không tự chủ tài chính không tự chủ tính toán hiệu quả. Nghĩa vụ cao nhất là chi, thu đúng lệnh, cấp trên bao thu, bao chi và xét thưởng phạt tùy theo kết quả chấp hành. Trong cơ chế mới, đơn vị kinh tế cơ sở phải tự chủ tài chính, tự lo tính toán thu chi và hiệu quả lời ăn lỗ chịu, đồng thời tự mình chịu trách nhiệm làm tròn nghĩa vụ với nhà nước, bảo đảm kết hợp đúng đắn ba lợi ích kinh tế.

Thứ năm, trong cơ chế cũ cũng như trong cơ chế mới, đơn vị kinh tế cơ sở đều làm ăn theo luật pháp và chịu sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước. Nhưng trong cơ chế cũ, họ chỉ là người thừa hành, cho nên đương nhiên được cấp trên bảo hộ trước pháp luật trong điều kiện chấp hành đúng lệnh trên. Nay, đơn vị kinh tế cơ sở thực sự có tư cách pháp nhân độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước. Mọi đơn vị bình đẳng trước pháp luật.

Với những đặc điểm có tính nguyên tắc như vậy, chế độ tự chủ sản xuất - kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với đơn vị kinh tế cơ sở thể hiện sự vận dụng đồng bộ hệ thống quy luật kinh tế -

tổ chức khách quan, tuân theo những nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong cơ chế cũ, những quy luật và nguyên tắc ấy cũng được đề cập, nhưng cách đề cập thiếu khách quan, khoa học, không giải quyết đúng đắn biện chứng các mối quan hệ như: giữa tập trung và dân chủ thì chú trọng yêu cầu tập trung, xem nhẹ nền tảng của tập trung là dân chủ, do đó gây sự đối lập giả tạo giữa tập trung và dân chủ, làm mất hiệu lực tập trung, làm nặng nề thêm tình trạng tự phát vô tổ chức; coi yêu cầu kế hoạch hóa như mục đích tự thân với biện pháp hành chính là chủ yếu, không trên cơ sở biện pháp kinh tế và yêu cầu hạch toán kinh doanh, gây đối lập giả tạo giữa kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh, làm mất hiệu lực kế hoạch hóa; trong khi giải quyết lợi ích toàn xã hội lại tùy tiện xử lý lợi ích cá nhân người lao động, gây sự đối lập giả tạo giữa ba lợi ích, đem lại tổn thất lớn nhất cho lợi ích xã hội. Tất cả những sự chệch choạc đó thực chất là hệ quả tất yếu của bộ máy quản lý mang nặng cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, làm thay cấp dưới và quần chúng.

Việc chuyển các đơn vị kinh tế cơ sở sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa với chế độ tự chủ đầy đủ, đòi hỏi phải tổ chức, sắp xếp lại sản xuất và thực sự đổi mới về tổ chức quản lý và cán bộ quản lý. Nói cách khác, có ba nhân tố cơ bản gắn bó hữu cơ với nhau trong quá trình xây dựng đơn vị kinh tế cơ sở vững mạnh trên mặt trận sản xuất - kinh doanh: Một là, tổ chức lại sản xuất, xác định phương hướng sản xuất - kinh doanh và mô hình hợp lý về tổ chức sản xuất - kinh doanh để đảm bảo hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và đủ sức chủ đạo, lãnh đạo các thành phần khác. Hai là, đảm bảo chế độ tự chủ đầy đủ của người sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa trong sự tương ứng giữa quyền hạn với trách nhiệm, nghĩa vụ với lợi ích. Ba là, xây dựng tổ chức chính trị, xã hội và tổ chức quản lý, bố trí cốt cán lãnh đạo đủ sức quản lý một cách tự chủ, năng động,

có nguyên tắc, và phát huy được quyền làm chủ thiết hực của tập thể lao động.

Các cơ quan cấp trên trong khi lãnh đạo quá trình đổi mới, phải chăm lo sao cho mỗi đơn vị cơ sở có được ba nhân tố đó, trước hết là có cốt cán lãnh đạo đủ tin cậy, đủ sức chủ động định hướng sản xuất - kinh doanh, tìm tòi mô hình hợp lý, năng động, sáng tạo có nguyên tắc. Những đơn vị cơ sở ngày càng vững mạnh như vậy là nền tảng của hệ thống quản lý tập trung thống nhất trên cơ sở dân chủ. Đồng thời, việc chuyển đơn vị kinh tế sang cơ chế kinh doanh đòi hỏi đổi mới căn bản cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.

#### **4. Đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế**

##### *Đòi hỏi tất yếu và nội dung cơ bản của sự đổi mới*

Việc quản lý nhà nước về kinh tế theo kiểu xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang đứng trước đòi hỏi bức bách phải được đổi mới, giải thoát khỏi cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp để tạo ra hiệu lực tích cực trở thành nhân tố cách mạng thúc đẩy nền kinh tế phát triển với những ưu việt vốn có của chế độ kinh tế - xã hội mới. Đây đang là khâu trọng yếu nhất của công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Việc quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta trong nhiều năm qua, với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, có khuyết điểm chính là: trong khi chưa làm đầy đủ chức năng quản lý nhà nước, thì đồng thời lại làm thay chức năng của các chủ thể trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, vi phạm chế độ tự chủ và sự năng động sáng tạo của nó. Từ thực tế đó, với ý muốn bảo đảm chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh, đã có cách nói: chức năng nhà nước là quản lý hành chính - kinh tế. Điều đó mang hàm nghĩa nhà nước quản lý cơ bản bằng công cụ hành chính, pháp chế, tương tự trọng tài trên sân bóng. Còn bản thân hoạt động kinh tế là

công việc của người sản xuất kinh doanh. Cách hiểu như vậy là thu hẹp, hạ thấp chức năng quản lý nhà nước về kinh tế trong khuôn khổ hành chính, pháp chế. Sự thu hẹp và hạ thấp như vậy trên thực tế càng làm cho cơ quan nhà nước mắc kẹt hơn vào việc sử dụng công cụ hành chính, pháp chế một cách đơn thuần và quá mức, từ đó, càng gây vướng mắc nhiều hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hiệu lực quản lý của nhà nước cũng suy yếu ngay cả về mặt hành chính, pháp chế. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương (khóa VI) năm 1987 đã đặt vấn đề đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế trong quan hệ hữu cơ với việc thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở. Nghị quyết cũng bước đầu xác định nội dung cơ bản của chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

Thuật ngữ quản lý nhà nước về kinh tế cần được hiểu với hàm nghĩa đây là chức năng quản lý toàn diện, khác biệt với chức năng của chủ thể trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, nhưng không phải chỉ là chức năng quản lý bằng hành chính, kinh tế. Nhà nước quản lý nền kinh tế trước hết bằng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Mọi nhà nước, dù ở mức sơ khởi nhất, đều có chính sách quốc gia. Nhà nước là nhân tố kìm hãm hoặc là nhân tố tích cực cách mạng, trước hết xét trên chính sách quốc gia. Ở thời đại hiện nay, nhiều nhà nước đã có chiến lược kinh tế - xã hội, có chương trình và kế hoạch kinh tế quốc gia với trình độ cao thấp khác nhau. Hiệu lực và sự sai, đúng trong chức năng quản lý nhà nước về kinh tế trước hết xét ở sự sai, đúng về chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia. Có thể nói đây là chức năng chủ đạo, mở đầu trong sự quản lý nhà nước về kinh tế, chức năng định hướng hệ thống mục tiêu và biện pháp bảo đảm về mặt nhà nước.

Với cơ chế đã thành truyền thống trong quá trình lâu dài đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước, Đảng ta với tư cách

là đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân và của dân tộc, hạt nhân lãnh đạo nhà nước cách mạng, có sứ mệnh và trách nhiệm tập trung trí tuệ và nhân tài của đất nước để xây dựng và đổi mới chính sách xét cả về mặt chính trị và tổ chức cán bộ. Đồng thời, mọi chính sách của Đảng phải được xây dựng và chuyển thành chính sách quốc gia theo nguyên tắc dân chủ. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong chính sách và cơ chế quản lý. Đồng thời, đại hội đã thực hiện bước ngoặt cơ bản trong đổi mới hệ thống chính sách kinh tế. Đó là nhân tố quyết định tạo khả năng đề trong những năm sau Đại hội, Nhà nước đã từng bước đổi mới việc quản lý kinh tế, trước hết ở việc chuyển và cụ thể hóa chính sách mới của Đảng thành chính sách quốc gia. Trên cơ sở và gắn liền với việc đó, nhà nước cần và có thể tác động điều khiển các quá trình kinh tế một cách toàn diện theo ba hướng chủ yếu: tác động hành chính, pháp chế (lập pháp, hành pháp, tư pháp): tác động kinh tế: tác động thông tin; hướng dẫn, chỉ dẫn...v...v Nhà nước phát huy tác dụng điều khiển các quá trình kinh tế một cách toàn diện và nhất quán theo hệ thống chính sách mới là nội dung cơ bản của việc đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế.

*Các hình thức tác động trong cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.*

Tác động hành chính - pháp chế là cách tác động mang tính cưỡng chế, là đặc trưng vốn có của sự quản lý nhà nước. Trong quản lý kinh tế, tác động này chỉ có hiệu lực tích cực khi đặt trên cơ sở chính sách kinh tế và cơ chế quản lý đúng đắn, và đặt trong quan hệ gắn bó hữu cơ với tác động kinh tế và tác động thông tin. Tác động kinh tế là cách tác động dựa vào thực lực và công cụ kinh tế. Việc chuyển sang cơ chế mới phải lấy tác động kinh tế là chủ yếu, thay cho cơ chế cũ chủ yếu dựa vào tác động hành chính - pháp chế. Nhà nước ta có khả năng lớn để xây dựng

thực lực và công cụ kinh tế dựa vào đó tác động điều khiển các quá trình kinh tế theo định hướng chính sách và kế hoạch, cụ thể là: xây dựng khu kinh tế quốc doanh với thực lực đủ mạnh, với cơ chế năng động trên những vị trí then chốt và những khâu quan trọng cần thiết để làm lực lượng chủ đạo định hướng cho các thành phần và hình thức kinh tế khác; xây dựng và sử dụng dự trữ nhân lực, vật lực, tài lực là hình thức tác động kinh tế của nhà nước nhằm bảo đảm khả năng phát triển mạnh và ổn định của nền kinh tế; xây dựng và sử dụng những công cụ của kinh tế hàng hóa, đặc biệt là công cụ tài chính, tiền tệ, là hình thức chủ yếu của tác động kinh tế. Khả năng nhà nước tác động về kinh tế gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hóa. Trong cơ chế cũ, việc xóa bỏ kinh tế hàng hóa, đối lập kế hoạch nhà nước với thị trường, tắt yếu với cơ chế giao nộp, cấp phát hiện vật. Với cơ chế ấy, không thể điều khiển nổi các quá trình kinh tế nước ta đang trên thực tế chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa. Hiện nay, chỉ có trên cơ sở nhất quán chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, tạo ra hệ thống thị trường xã hội thống nhất, từng bước gắn với thị trường thế giới, chúng ta mới có thể xây dựng khu vực kinh tế quốc doanh vững mạnh và kinh doanh năng động, có hiệu quả, đóng vai trò chủ đạo. Trên cơ sở ấy, nhà nước mới có thể trừ được gánh nặng bao cấp, bù lỗ, tạo khả năng huy động và tích lũy vốn, tạo dự trữ mạnh. Điều quan trọng nhất là trên cơ sở đó mới có thể tạo ra và sử dụng những công cụ hùng mạnh của chính nền kinh tế hàng hóa - trước hết là công cụ tiền tệ, tài chính - tín dụng - để từ đó điều tiết các quá trình kinh tế hàng hóa, điều tiết thị trường xã hội bằng ngôn ngữ và công cụ của thị trường. Bài toán lạm phát trong thời gian vừa qua thực chất là bài toán ngân sách tiền tệ ở cấp vĩ mô, được đặt ra một cách tất yếu trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa và đổi mới quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Chỉ có thể tìm lời giải cho bài toán đó trên cơ sở nhất quán chuyển sang nền kinh tế hàng hóa. Từ đó đổi mới căn bản cơ chế xử lý ngân

sách, tiền tệ, tín dụng theo quan điểm kinh tế hàng hóa, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong xử lý ngân sách, tiền tệ, tín dụng, giá cả.

Tác động thông tin là hướng tác động vốn có của quản lý kinh tế xã hội, gần đây ngày càng được coi trọng. Ngày nay người ta coi thông tin là tài nguyên số một, là của cải quý nhất. Dịch vụ thông tin: nghiên cứu sáng chế phát minh, thiết kế công nghệ kỹ thuật, hoạt động tư vấn, môi giới, chuyển giao kỹ thuật công nghệ và quản lý v.v... đã bắt đầu được xem là lĩnh vực thứ tư trong cơ cấu sản xuất. Trên thế giới đã xuất hiện những vấn đề như chủ nghĩa thực dân thông tin, chiến tranh thông tin. Trên góc độ lãnh đạo quản lý, người ta coi nắm thông tin và nắm uy quyền. Ai nắm được thông tin thì người đó có uy quyền điều khiển, lãnh đạo, quản lý. Đó là uy quyền của trí tuệ. Bình thư có câu: biết mình biết địch, trăm trận trăm thắng. Điều đó cũng đúng với quản lý nhà nước về kinh tế, trong đó, cần thông tin về nội dung, về thị trường, bạn hàng, đối thủ v.v... cần thông tin về thực trạng và dự báo tương lai. Điều đáng tiếc là chúng ta đã chậm trễ trong nhận thức vai trò thông tin trong chính sách cơ cấu và cơ chế quản lý.

#### *Đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực quản lý*

Nhìn chung, việc quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta trong điều kiện chính sách kinh tế cũ và cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, nhiều mặt không phù hợp với thực tế lịch sử và quy luật khách quan, không tranh khởi hậu quả tự làm mất hiệu lực. Trong cơ chế cũ, việc quản lý nhà nước về kinh tế đã tập trung quá mức quyền điều hành vào bộ máy cấp cao và cấp trên với cách điều hành chủ yếu theo lệnh hành chính cụ thể nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối. Sự quản lý đo mang cả về tác động hành chính - pháp chế cũng rất đơn giản, yếu kém. Các công cụ kinh tế; kế hoạch, tài chính, tín dụng, giá cả đều bị hành chính hóa với cơ chế thu mua, giao nộp, cấp phát theo lệnh. Tác động



thông tin được thay thế bằng mệnh lệnh huấn thị theo ý chies chủ quan của bộ máy cấp trên. Đó thực chất vẫn là cơ chế quản lý kinh tế thời chiến, tương tự như việc quản lý công tác hậu cần quân đội. Từ những phân tích trên đây, có thể nói, cuộc đổi mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu lực tích cực của sự quản lý nhà nước về kinh tế tất yếu đi theo hai hướng lớn: trước hết, đó là việc nhất quán cụ thể hóa và triển khai chính sách mới của Đại hội VI thành hệ thống chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia. Sau là, từ đó và gắn với đó, nhà nước tác động điều khiển toàn diện nền kinh tế.

Chỉ với sự đổi mới nhất quán từ chính sách kinh tế và các tác động toàn diện như vậy, nhà nước ta với tư cách nhà nước cách mạng, nhà nước nhân dân, mới có thể phát huy đầy đủ uy quyền vốn có của mình, do nhân dân giao phó, kể từ pháp quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) đến quyền lực kinh tế và uy quyền thông tin, trí tuệ. Chỉ như vậy, nhà nước mới có đủ công cụ trong tay để tác động điều khiển hợp quy luật vào các quá trình kinh tế khách quan, tạo thành môi trường để các chủ thể sản xuất kinh doanh có lợi ích thiết thân mà hoạt động theo quỹ đạo chính sách và kế hoạch quốc gia. Chỉ như vậy nhà nước mới có thể vững tâm từ bỏ cách quản lý điều hành theo lệnh hành chính cụ thể, bảo đảm chế độ tự chủ sản xuất - kinh doanh trước hết cho các tổ chức kinh tế quốc doanh. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế như trên không những không ngăn cản thực hiện chế độ tự chủ người sản xuất kinh doanh mà còn là điều kiện tối cần thiết để thực hiện đúng chế độ tự chủ đó. Thật vậy, người sản xuất kinh doanh tự chủ, nhất là những tổ chức kinh tế quốc doanh lớn, rất cần đến sự quản lý nhà nước, cụ thể là cần sự định hướng chính sách, kế hoạch quốc gia, cần môi trường pháp lý văn minh, cần sự bảo đảm cân đối kinh tế ở cấp chiến lược, sự bảo hiểm nhà nước trước những chấn động bất thường; và sau cùng cần sự chi viện về thông tin (dự báo, hướng dẫn, chỉ

dẫn) trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh trong điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế. Ông cha ta đã cảm nhận sâu sắc vai trò thông tin với châm ngôn "Cho bạc cho vàng không bằng chỉ đường làm ăn". Tổng quát lại, có thể nói rằng, với chính sách mới về kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế theo Nghị quyết Đại hội VI và nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế không những không hề bị thu hẹp, hạ thấp, mà còn được mở rộng, nâng cao rất nhiều. Sự mở rộng, nâng cao đó đòi hỏi bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế phải được cải tổ, tinh giảm, nhằm nâng cao rất nhiều. Sự mở rộng, nâng cao đó đòi hỏi bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế phải được cải tổ, tinh giảm, nhằm nâng cao trình độ và chất lượng hoạt động để đủ sức gánh vác chủ trương của Đảng và Nhà nước kiên quyết chuyển hẳn các đơn vị kinh tế cơ sở sang cơ chế hạch toán kinh doanh đã và đang trở thành hiện thực phổ biến, từ đó tất yếu thúc bách bộ máy nhà nước từ bỏ cách điều hành tập trung quan liêu theo lệnh; phải cải tổ và học tập cách quản lý theo quan điểm mới. Việc nhận thức đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo quan điểm mới là căn cứ định hướng cho cuộc đổi mới bộ máy quản lý.

## VÀI LỜI KẾT LUẬN

Để nhận thức đúng và thể hiện được những ưu việt của con đường từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, trước mắt để tạo được bước ngoặt từ chính sách và cơ chế cũ sang chính sách và cơ chế mới, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nhất quán trở lại và phát triển những tư tưởng lớn của V.I. Lê-nin trong Chính sách kinh tế mới:

- Tư tưởng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời phát triển, hoàn thiện chế độ kinh tế mới bằng chính sách và cơ chế phù hợp;

- Tư tưởng thật sự sử dụng quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường;

- Tư tưởng về chế độ hợp tác và chủ nghĩa tư bản nhà nước như chiến lược tổ chức dẫn dắt các thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội.